

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**TÊN ĐỀ TÀI  
PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM**

<b>GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN:</b>	<b>TH.S LÊ THỊ DIỆP</b>
<b>HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN:</b>	<b>TRẦN MAI CHI</b>
<b>MÃ SINH VIÊN:</b>	<b>1458300005</b>
<b>LỚP:</b>	<b>LKT 14 - 01</b>

**HÀ NỘI 2024**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN  
TRẦN MAI CHI**

*Lớp : LKT 14 - 01 khoá : 14*

**TÊN ĐỀ TÀI  
PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ  
VIỆT NAM**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Lê Thị Diệp**  
Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội  
Thời gian thực hiện: Từ 25/03/2024 đến 25/5/2024

**HÀ NỘI 2024**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan: Khoá luận tốt nghiệp này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi trên cơ sở thừa kế, trích dẫn trung thực của các công trình khoa học khác; được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của ThS. Lê Thị Diệp, đảm bảo tính trung thực và tuân thủ các quy định về trích dẫn, chú thích tài liệu tham khảo.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

**XÁC NHẬN CỦA SINH VIÊN**

Trần Mai Chi

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận này, em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy, cô khoa Luật trường Đại Học Đại Nam đã tạo cơ hội cho em được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khoá luận.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến giảng viên hướng dẫn cô Lê Thị Diệp đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những góp ý bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành khoá luận một cách tốt nhất.

Bản thân em nhận thấy kiến thức của mình còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khoá luận khó tránh những thiếu sót. Em rất mong nhận sự góp ý, chỉ dạy thêm từ quý thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy cô luôn thật nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc.

**DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

<b>CHỮ VIẾT TẮT</b>	<b>NỘI DUNG ĐƯỢC VIẾT TẮT</b>
CT	Chỉ thị
GS.TSKH	Giáo sư Tiến sĩ Khoa học
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
NQ	Nghị quyết
PGS.TS	Phó giáo sư Tiến sĩ
Th.S	Thạc sĩ
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao
TTPY	Trung tâm pháp y

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài: .....	1
2. Tình hình nghiên cứu: .....	2
2.1. Một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài: .....	3
2.2. Những công trình nghiên cứu trong nước: .....	5
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: .....	6
3.1. Đối tượng nghiên cứu: .....	6
3.2. Phạm vi nghiên cứu: .....	7
4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu: .....	7
4.1. Mục tiêu nghiên cứu: .....	7
4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: .....	7
5. Phương pháp nghiên cứu: .....	7
6. Kết cấu của khoá luận: .....	7
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 2015 .....</b>	<b>9</b>
1.1. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của phòng vệ chính đáng.....	9
1.1.1. Khái niệm: .....	9
1.1.2. Bản chất của phòng vệ chính đáng: .....	10
1.1.3. Ý nghĩa của phòng vệ chính đáng: .....	10
1.2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng: .....	11
1.2.1. Các điều kiện thuộc về hành vi xâm phạm: .....	11
1.2.2. Các điều kiện thuộc về hành vi phòng vệ: .....	13
1.2.3. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng: .....	13
1.3. Các yếu tố tác động đến việc xác định phòng vệ chính đáng: .....	14
1.3.1. Chất lượng của quy phạm pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng: .....	14
1.3.2. Năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm của những người áp dụng pháp luật: .....	16
1.3.3. Ý thức pháp luật và dư luận xã hội: .....	17
1.4. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Bộ luật Hình sự về phòng vệ chính đáng: .....	19
1.4.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trước năm 1985 về phòng vệ chính đáng: .....	19
1.4.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 về phòng vệ chính đáng: .....	21

1.4.3. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về phòng vệ chính đáng:.....	22
Tiểu kết chương 1 .....	29
<b>CHƯƠNG 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG – NHÌN NHẬN TỪ MỘT SỐ VỤ ÁN</b>	<b>30</b>
2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng. ....	30
2.1.1. Điểm mới quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về phòng vệ chính đáng: .....	30
2.1.2. Nội dung của quyền phòng vệ chính đáng:.....	31
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng thông qua một số vụ án .....	32
2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định về phòng vệ chính đáng:.....	32
2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến phòng vệ không đúng quy định pháp luật:.....	46
Tiểu kết chương 2 .....	50
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG. ....</b>	<b>51</b>
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật:.....	51
3.1.1. Kiến nghị giảm mức hình phạt đối với Điều 136 Bộ luật Hình sự: .....	51
3.1.2. Hướng dẫn cách hiểu giữa “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” và “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.” .....	52
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng:.....	53
3.1.4. Kiến nghị bổ sung các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng:.....	54
3.1.5. Ghi nhận án lệ trong phòng vệ chính đáng: .....	55
3.2. Giải pháp về yếu tố con người: .....	56
3.2.1. Tăng cường nhận thức đúng về phòng vệ chính đáng:.....	56
3.2.2. Cần có chế độ chính sách, khen thưởng: .....	57
Tiểu kết chương 3 .....	58
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>60</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>61</b>

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài:**

Hiến pháp Việt Nam quan niệm quyền con người là một quyền cơ bản được tôn trọng và bảo vệ, một trong các quyền của con người thì có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Pháp luật luôn coi trọng và bảo hộ về tính mạng, danh dự, sức khỏe và nhân phẩm của con người, đồng thời yêu cầu mọi hành vi, mọi quy tắc xử sự trong xã hội đều phải tuân thủ điều này. Bộ luật Hình sự Việt Nam chính là công cụ pháp lý quan trọng nhất không chỉ để bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức và của công dân, mà còn góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và xử lý những người xâm phạm đến các lợi ích đã nêu trên. Để thực hiện được nhiệm vụ quan trọng đó, Bộ luật Hình sự quy định nhiều chế định trong đó có phòng vệ chính đáng. Phòng vệ chính đáng được xem là quyền pháp lý, nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ về đạo đức trong việc bảo vệ lợi ích chung của con người và của Nhà nước, góp phần không nhỏ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của nước ta hiện nay.

Về mặt lập pháp, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định chế định phòng vệ chính đáng trong luật hình sự. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình chính trị, kinh tế - xã hội mà mỗi quốc gia có những quy định khác nhau. Tại Việt Nam, chế định này được ghi nhận lần đầu tiên tại Bộ luật Hình sự năm 1985, trải qua quá trình áp dụng trên thực tiễn bên cạnh những mặt tích cực thì cũng tồn tại không ít những bất cập. Vì thế, đến Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và gần đây nhất là Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về phòng vệ chính đáng từng bước được thay đổi để phù hợp với thực tiễn, cũng như thực hiện nhiệm vụ được đặt ra cho pháp luật hình sự.

Về mặt lý luận, phòng vệ chính đáng là chế định luôn được các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự quan tâm bằng những công trình nghiên cứu khoa học dành riêng cho chế định này. Từ hoạt động nhận thức khác nhau đã dẫn đến những quan điểm, ý kiến khác nhau về phòng vệ chính đáng, đến nay vẫn còn đang tranh luận về: bản chất, dấu hiệu, phạm vi, hay cách đặt tên cho phòng vệ chính đáng là phòng vệ hay tự vệ, chính đáng hay cần thiết...

Về mặt thực tiễn, phòng vệ chính đáng trải qua quá trình áp dụng thực tiễn, nhận thấy được những ưu điểm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, xác định rõ ràng, chính xác giữa hành vi bị coi là tội phạm và hành vi không phải tội phạm, hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự hay hành vi được loại trừ trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, cũng cho thấy có nhiều vụ án hình sự xảy ra liên quan đến phòng vệ chính đáng mà



các cơ quan áp dụng pháp luật đã gặp không ít khó khăn, lúng túng do nhiều nguyên nhân nên đã dẫn đến việc áp dụng không đúng quy định, thậm chí các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự lại có những quan điểm trái ngược nhau trong cùng một vụ án hình sự về phòng vệ chính đáng. Cũng có những trường hợp, do người dân không nhận thức được hết quy định của phòng vệ chính đáng hoặc do tâm lý lo sợ, thờ ơ trước những hành vi trái pháp luật; hoặc người dân chưa phân biệt được đâu là hành vi xâm hại trái pháp luật và đâu là hành vi đúng đắn của những người thi hành công vụ được pháp luật cho phép thực hiện. Nhưng với quy định của pháp luật hiện hành, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành chế định phòng vệ chính đáng vẫn chưa rõ ràng, cụ thể và thống nhất tới những tiêu chí để xác định phòng vệ chính đáng. Vì vậy mà, trong thực tiễn áp dụng quy định phòng vệ chính đáng không đúng đắn, không phát huy được hết ý nghĩa của phòng vệ chính đáng trong vấn đề bảo vệ quyền con người – quyền công dân và đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như những nhiệm vụ mà Bộ luật hình sự đã đặt ra. Từ những phân tích trên cho thấy việc nghiên cứu về lý luận và lập pháp trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng của nước ta, đồng thời học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia sẽ tạo ra những cơ sở đáng tin cậy cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự, nâng cao hiệu quả về phòng vệ chính đáng, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ chính trị.

Với những lý do trên, tôi lựa chọn đề tài “Phòng vệ chính đáng theo pháp Luật Hình sự Việt Nam” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

## **2. Tình hình nghiên cứu:**

Nghiên cứu quy định về phòng vệ chính đáng là một vấn đề hẹp, được quy định tại một điều trong Phần chung (Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 1999 và nay là Điều 22 Bộ luật Hình sự năm 2015) và hai điều trong Bộ luật Hình sự Việt Nam đó là - Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 96 nay là Điều 126) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 106 hiện nay là Điều 136). Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu của nó mới gián tiếp được lồng ghép ở các mức độ khác nhau trong các sách báo pháp lý hình sự.

## **2.1. Một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài:**

*Ashworth, Principles of Criminal Law (Các nguyên tắc của luật hình sự)*, Nxb. Oxford University Press, Inc., 1995. Cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong luật hình sự bao gồm:

- Nguyên tắc và chính sách liên quan đến sự hình thành của pháp luật hình sự;
- Việc áp dụng nguyên tắc của các cơ quan lập pháp, Toà án, cơ quan cải cách pháp luật;
- Phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết là hai trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự.

*David Brown, David Farrier, Neal and David Weisborot, Materials and commentary on Criminal Law and Process in New South Wales (Một vài bình luận trong Luật hình sự và tố tụng hình sự của phía Nam xứ Wales)*, xuất bản bởi The Federation Press, 1996. Cuốn sách đề cập đến các vấn đề pháp lý hình sự và tố tụng hình sự bao gồm:

- Một số vấn đề chung;
- Bắt giữ tội phạm;
- Quá trình tố tụng;
- Các yếu tố cấu thành tội phạm;
- Tội giết người ngộ sát;
- Phòng vệ;
- Tội tấn công và tội tấn công tình dục;
- Tội xâm phạm trật tự công cộng;
- Các thuốc cấm;
- Mua lại không trung thực;
- Trách nhiệm hình sự: âm mưu, nỗ lực và đồng phạm;
- Tuyên án và hình phạt.

Trong Chương 2 đã nêu về điều kiện, nội dung, chủ thể và các yếu tố tác động đến hình sự phòng vệ, trách nhiệm trong phòng vệ.

*AP Slimester and GR Sulliran, Criminal Law: Theory and doctrine (Luật hình sự: Học thuyết và lý luận)*, xuất bản bởi GB: Hart publishing, 2003. Cuốn sách đề cập đến các vấn đề như sau:

- Luật hình sự, khái niệm và phạm vi;
- Những nguyên tắc của luật và Hiệp ước Châu Âu;
- Sự giải thích luật và những căn cứ;
- Những hạn chế và những nghĩa vụ pháp lý;
- Sự thay mặt và nghĩa vụ hợp tác;
- Sự vi phạm không có chủ đích;
- Tội cố ý giết người;
- Xâm phạm tình dục;
- Tội trộm cắp;
- Tội lừa đảo, lừa gạt;
- Sự phòng vệ: Khái quát chung;
- Sự phòng hộ theo điều kiện tinh thần;
- Sự sai phạm về chứng cứ, lỗi;
- Phòng vệ trong trường hợp bị cưỡng ép;
- Sự kiểm soát chấp nhận được;
- Sự phòng vệ sai lỗi: Một và nhận xét.

*Jerome Hall, Criminal Law (Luật hình sự)*, Nxb. Bobbs Merrill Company, 1947, tái bản năm 2005. Cuốn sách đề cập đến cơ sở lý luận nền tảng như:

- Các nguyên tắc của luật hình sự;
- Tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt;
- Các lý thuyết vận dụng;
- Phòng vệ chính đáng và tình trạng khẩn cấp với tư cách là hai trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

*Michael Bogdan editor, Swedish Law in the New Millennium (Luật hình sự Thụy Điển trong giai đoạn mới)*, Norstedts Juridik, Printed in Sweden by Elanders Gotab, Stockholm, 2000. Trong đó có chương sách đã đề cập đến các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, nhưng các trường hợp đó lại mang bản chất của một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự Việt Nam như:

- Phòng vệ chính đáng;
- Tình thế cấp thiết ;

- Thi hành mệnh lệnh của cấp trên.....

Các công trình trên đã đề cập đến phòng vệ chính đáng trong nghiên cứu về luật hình sự, về tội phạm, coi phòng vệ chính đáng với tư cách là một trường hợp được Nhà nước động viên, khuyến khích thực hiện và được coi là một trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (hay không phải là tội phạm), mặc dù vẫn còn có một quan điểm coi đó là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự (nghiên cứu ở Vương quốc Thụy Điển).

## **2.2. Những công trình nghiên cứu trong nước:**

Còn ở Việt Nam, trước đây đã có nhiều công trình nghiên cứu gián tiếp về vấn đề này như luận án tiến sĩ luật học, luận văn thạc sĩ luật học hoặc sách chuyên khảo, giáo trình như:

- Đặng Văn Doãn, *Về vấn đề phòng vệ chính đáng*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1987;

- Giang Sơn, *Các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2001;

- Hoàng Thị Hoài Nam, *Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Khoá luận thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2006;

- Nguyễn Sơn, *Phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam*, Khoá luận thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014;

- ThS. Đinh Văn Quế, *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998; Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009;

- TS. Trịnh Tiến Việt, Mục 4 Chương 2 - *Những trường hợp không phải là tội phạm*, Trong sách: *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2013;...

Nội dung của các công trình này đã phân tích các vấn đề khái niệm, nội dung, bản chất pháp lý và điều kiện áp dụng của những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, trong đó có quy định về phòng vệ chính đáng (phân tích điều kiện, nội dung và vấn đề vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng) và theo quy định của Bộ Luật Hình sự năm 1985 và Bộ Luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, xét riêng dưới góc độ khoa học luật hình sự, đáng chú ý là Chương thứ năm - Những trường hợp (tình tiết) loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong “Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)”, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005 và một số bài viết của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm về vấn đề này. Theo đó, tác giả đề cập, phân tích

tên gọi, ý nghĩa, nội dung, bản chất pháp lý và từ đó xây dựng mô hình lý luận của Chương riêng trong Bộ Luật Hình sự về chế định này, trong đó có trường hợp phòng vệ chính đáng;...

Bên cạnh đó, cũng có một số bài viết có giá trị liên quan trực tiếp đến vấn đề này nhưng chỉ đề cập ở mức độ chung như sau:

- TS. Hoàng Văn Hùng, *Một vài suy nghĩ về phòng vệ chính đáng*, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 2/1996;

- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/1999;

- ThS. Đinh Văn Quế, *Một số vấn đề về phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9/2009;

- GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà, *Vấn đề thi hành công vụ và chế định phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 2/2012;

- TS. Trịnh Tiên Việt, *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và một số kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15/2016;...

Như vậy, các công trình nghiên cứu nói trên đã đề cập đến vấn đề về phòng vệ chính đáng và gián tiếp là trách nhiệm hình sự do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng - đối với hai tội cụ thể là tội giết người và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên, về phương diện nghiên cứu lý luận chuyên sâu và có hệ thống thì vấn đề về phòng vệ chính đáng vẫn chưa được quan tâm một cách đúng mức, đặc biệt là đánh giá, phân tích thực tiễn xét xử và lý giải vấn đề này trong Bộ Luật Hình sự năm 2015. Do đó, trong khoá luận này, tôi muốn tiếp tục phát triển và kế thừa những công trình khoa học, làm sâu sắc hơn vấn đề lý luận về phòng vệ chính đáng và thực tiễn để từ đó truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu:**

Khoá luận này lấy các quan điểm khoa học về phòng vệ chính đáng; các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng ở nước ta để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu:**

Để tài được nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống về vấn đề phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam với các nội dung sau:

- Khái niệm, bản chất và ý nghĩa cơ bản của phòng vệ chính đáng;
- Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam;
- Làm rõ những quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng;
- Đánh giá khái quát thực tiễn áp dụng phòng vệ chính đáng, chỉ ra một số nguyên nhân từ đó đề xuất những kiến nghị.

### **4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu:**

#### **4.1. Mục tiêu nghiên cứu:**

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về phòng vệ chính đáng ở nước ta, đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng chế định pháp luật này trong thực tiễn tố tụng hình sự ở nước ta.

#### **4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

Để đạt được mục đích nghiên cứu thì khoá luận phải thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- + Phân tích những lý luận về phòng vệ chính đáng;
- + Phân tích nội dung các quy định pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng;
- + Lập luận và đề xuất các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng quy định pháp luật về phòng vệ chính đáng ở nước ta.

### **5. Phương pháp nghiên cứu:**

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: phân tích, so sánh, lịch sử, diễn giải, tổng hợp và một số phương pháp khác.

### **6. Kết cấu của khoá luận:**

Kết cấu ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khoá luận bao gồm 03 chương như sau:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về phòng vệ chính đáng trong Luật Hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng và thực tiễn áp dụng.

*Chương 3:* Giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 2015.

#### 1.1. Khái niệm, bản chất và ý nghĩa của phòng vệ chính đáng.

##### 1.1.1. Khái niệm:

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng liên quan đến những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, đó là quy định một Chương IV với 07 điều quy định về những trường hợp này ngay sau Chương III - Tội phạm với 07 trường hợp cụ thể từ Điều 20 – 26 Bộ luật này. Lưu ý, có 03 trường hợp quy định tại các điều 24 - 26 là các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng như có những sửa đổi quan trọng về riêng trường hợp phòng vệ chính đáng - đã đặt việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình, của người khác lên trước lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức cho phù hợp với thực tiễn xét xử và yêu cầu đề cao, tôn trọng quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Định nghĩa pháp lý về phòng vệ chính đáng đã được ghi nhận cụ thể tại Điều 22. Tuy nhiên, trong khoa học luật hình sự về cơ bản cũng đều thống nhất về nội hàm, điều kiện của khái niệm này, ví dụ:

- GS. TSKH. Lê Văn Cẩm nêu và nhấn mạnh cụm từ “tương xứng”: “Phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả của người phòng vệ để gây thiệt hại cho người đang có hành vi xâm hại đến các lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác, cũng như của xã hội hay của Nhà nước, nếu hành vi chống trả tương xứng với hành vi xâm hại”;

- Tập thể tác giả cuốn sách *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học* Trường Đại học Luật Hà Nội giải thích: “Phòng vệ chính đáng là gây thiệt hại cho kẻ tấn công tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của sự tấn công đang xảy ra hoặc đe dọa sẽ xảy ra ngay tức khắc nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của mình hay người khác. Phòng vệ chính đáng là một tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi”;

- PGS. TS. Trịnh Tiến Việt định nghĩa và nhấn mạnh hậu quả pháp lý: “Phòng vệ chính đáng là hành vi của một người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên, được coi là trường hợp không phải là tội phạm và người đó không phải chịu trách nhiệm hình sự”;

- Tác giả Nguyễn Phi Hùng nêu khái niệm: “Phòng vệ chính đáng là chế định pháp lý thể hiện quyền của công dân trong đó Nhà nước cho phép một người vì bảo vệ



quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan tổ chức mà được quyền chống trả một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên”;...

Dưới góc độ nghiên cứu khoa học luật hình sự, tôi xin đưa ra khái niệm về phòng vệ chính đáng như sau: *“Phòng vệ chính đáng là hành vi **có ích** của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên, được coi là trường hợp không phải là tội phạm và người đó **được loại trừ trách nhiệm hình sự**”.*

### **1.1.2. Bản chất của phòng vệ chính đáng:**

- Thứ nhất, phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. Mặc dù trong phòng vệ chính đáng có đầy đủ dấu hiệu của một cấu thành tội phạm, nhưng vì được pháp luật hình sự cho phép một con người thực hiện khi có những hành vi khác xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- Thứ hai, phòng vệ chính đáng được coi là quyền của mọi công dân chứ không phải là nghĩa vụ pháp lý (bắt buộc phải thực hiện khi rơi vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể), nếu có thì chỉ là “nghĩa vụ đạo đức” khi thấy người khác bị tấn công thì giúp đỡ.

- Thứ ba, chỉ được xem là phòng vệ chính đáng khi hành vi phòng vệ vẫn còn trong giới hạn cho phép của pháp luật hình sự.

### **1.1.3. Ý nghĩa của phòng vệ chính đáng:**

Dựa theo những quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật về chế định phòng vệ chính đáng ta thấy có những ý nghĩa quan trọng sau:

- Một là, thể hiện mặt lập pháp nước ta càng ngày phát triển bắt kịp với xu hướng pháp luật trên thế giới.

- Hai là, cần phát huy tích cực tính chủ động của mọi người trong việc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội. Việc xử lý người có hành vi nguy hiểm cho xã hội nói chung và tội phạm nói riêng là thuộc về những cá nhân hoặc tổ chức nhân danh Nhà nước thực hiện theo nghĩa vụ pháp lý. Nhưng không phải lúc nào cũng kịp thời bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, Nhà nước chỉ phát hiện và xử lý khi hành vi nguy hiểm cho xã hội đó đã đe dọa gây ra hoặc gây ra thiệt hại cho xã hội. Vì vậy, cần phát huy tích cực tính chủ động của mọi người trong việc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội.

- Ba là, xác định được rõ ràng ranh giới giữa tội phạm và không phải tội phạm; giữa trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự và trường hợp không chịu trách nhiệm

hình sự. Từ đó giúp người dân yên tâm trong việc cùng Nhà nước tham gia bảo vệ đất nước, ngăn chặn và đẩy lùi những hành vi tiêu cực cho xã hội.

- Bốn là, thể hiện được tính nhân đạo, một trong ba nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Hình sự Việt Nam là nguyên tắc nhân đạo, cả trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước cũng nêu rõ vấn đề nhân đạo. Nhân đạo ở đây không chỉ là Nhà nước thể hiện sự nhân đạo của mỗi công dân trong việc bảo vệ những lợi ích chung của xã hội.

## **1.2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng:**

Việc phân tích các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng, cho thấy không phải lúc nào mọi người cũng có thể thực hiện đúng quyền này, bởi nếu nhận thứ không đúng hoặc không đầy đủ sẽ dẫn đến việc sử dụng không đúng quyền được phòng vệ đã được pháp luật hình sự ghi nhận. Khi nào được thực hiện, thực hiện như thế nào quyền này là vấn đề cần phải làm rõ trong tất cả các điều kiện về phòng vệ chính đáng và cũng cần phân biệt được một số hành vi giống với phòng vệ chính đáng nhưng thực chất là không phải.

### **1.2.1. Các điều kiện thuộc về hành vi xâm phạm:**

Về mặt lý luận, Karl Marx cũng từng khẳng định: “Ngoài hành vi của mình ra tôi hoàn toàn không tồn tại đối với pháp luật, hoàn toàn không phải là đối tượng của nó”. Trên cơ sở đó, pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng của Việt Nam đã thừa nhận rằng, chỉ bằng hành vi của mình con người mới có thể xâm hại đến những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, và những suy nghĩ hay tư tưởng xấu xa của con người mà chưa thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan hoặc không có căn cứ xác định sẽ thực hiện thì không bị cho là nguy hiểm cho xã hội và tất nhiên sẽ không bị pháp luật điều chỉnh.

Bởi tính chất của các quan hệ xã hội mà phần lớn các quy phạm pháp luật hình sự bảo vệ, quy định nghĩa vụ pháp lý bắt buộc đối với chủ thể (cấm đoán hoặc yêu cầu thực hiện) song vẫn có những quy phạm quy định quyền của con người (quyền tự bảo vệ mình hoặc lợi ích chung khác). Tuy nhiên, quyền đó của con người không phải lúc nào cũng được phát sinh, vì vậy chúng ta cần phải xác định rõ những điều kiện mà trước hết là điều kiện thuộc hành vi tấn công. Khi chưa có những quy định cụ thể của Bộ luật hình sự, song qua nghiên cứu các văn bản và thực tiễn ở thời kỳ này thì GS.TSKH Lê Văn Cẩm đã có quan điểm sau về hành vi tấn công:

*Thứ nhất*, mức độ nguy hiểm cho xã hội đáng kể của hành vi xâm hại. Vậy thì, mức độ nguy hiểm cho xã hội thế nào được coi là đáng kể. Trước hết cần hiểu rằng, hành vi nguy hiểm cho xã hội phải là hành vi tiêu cực cho con người thực hiện xâm hại

hoặc đe dọa xâm hại đến những lợi ích chung của xã hội và hành vi nguy hiểm đó phải ở mức độ đáng kể. Hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động. Trên thực tế, có nhiều hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, ví dụ như: hành vi của con cháu chửi mắng ông bà, cha mẹ; hành vi cha mẹ dạy dỗ con bằng roi như ông bà ta vẫn nói: “thương cho roi cho vọt”...nhưng những hành vi này chưa ở mức độ nguy hiểm “đáng kể”. Chẳng hạn, nếu trong quá trình giáo dục con mình, cha mẹ có sử dụng roi vọt tác động lên thân thể đứa trẻ, mà đứa con lại có hành vi chống trả lại cha mẹ, vì cho rằng đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội thì hoàn toàn không đúng cả về mặt pháp lý lẫn đạo đức xã hội. Một ví dụ khác, người cha đưa tiền cho con và yêu cầu đứa con phải đi mua chất ma túy về cho mình sử dụng, nhưng người con không đồng ý đi vì biết rằng hành vi đó là trái pháp luật, người cha tức giận vì con cãi lời nên đã dùng một ống tuýp sắt đánh liên tục vào người con. Hành vi đó của người cha có mức độ nguy hiểm đáng kể và đang xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người con, trong trường hợp này người con có quyền phòng vệ đối với hành vi trái pháp luật của người cha.

Hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội như đã nhấn mạnh, ngoài hình thức hành động thì còn hình thức không hành động. Có khá nhiều quan điểm cho rằng hành vi được thực hiện bằng hành động sẽ có tính chất nguy hiểm đáng kể hơn là hành vi được thực hiện bằng không hành động và chỉ khi nào xuất hiện hành vi hành động gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội thì quyền phòng vệ của người phòng vệ mới phát sinh. Tôi không đồng tình với quan điểm này; ví dụ: A cầm một cành cây nhỏ đuổi đánh B vì bị B chọc ghẹo, đây là hành vi được thực hiện bằng hành động nhưng khó để gọi là mức độ nguy hiểm đáng kể. Nhưng với ví dụ sau: một người vợ mang thai được 8 tháng bị đau bụng nhiều dẫn đến bất tỉnh, nhưng người chồng nhất quyết không đưa vợ đến bệnh viện kiểm tra vì cho rằng chưa đến ngày sinh và nghĩ rằng đó là hiện tượng bình thường rồi vợ sẽ tỉnh lại; dù hành vi trong trường hợp này là không hành động nhưng rõ ràng là nguy hiểm quá đáng kể. Trên thực tế, không phải ai cũng nhận thức được tính nguy hiểm đáng kể. Về cơ bản có thể xác định mức độ đáng kể như sau:

Một là tùy thuộc vào tính chất quan trọng của các mối quan hệ xã hội bị xâm phạm (quan hệ xã hội cần được bảo vệ). Để xác định được tính chất này cần dựa vào quy định thuộc phần tội phạm của Bộ luật Hình sự nước ta, bởi vì những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ bằng những quy phạm pháp luật hình sự được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về tính chất quan trọng.

Hai là phụ thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tấn công.

*Thứ hai*, hành vi xâm hại cần phải đang diễn ra và chưa kết thúc. Khi đã xác định được mức độ đáng kể của hành vi xâm phạm thì cần phải biết rằng hành vi đó có còn diễn ra trên thực tế không? Vấn đề ở đây xác định hành vi còn diễn ra không, chứ không phải xác định hậu quả của hành vi đã gây ra. Ví dụ: A đánh B nhưng B đỡ được, A biết không thể đánh nổi B nên chạy vào nhà B đánh mẹ của B đang bị bệnh nằm trên giường, nên B đã dùng một khúc gỗ vụt mạnh vào đầu A làm cho A ngất xỉu sau đó bị chết. Mặc dù hành vi tấn công của A đã kết thúc đối với B, nhưng A lại có tiếp hành vi xâm phạm đến mẹ của B và để bảo vệ mẹ của mình nên B đã chống trả gây thiệt hại cho A.

### ***1.2.2. Các điều kiện thuộc về hành vi phòng vệ:***

Khi đã xác định được lý do cho phép thực hiện hành vi phòng vệ, ngay lúc đó cũng cần xác định hành vi phòng vệ đó phải như thế nào để không bị coi là tội phạm mặc dù có thể thực tế đã gây ra thiệt hại. Từ những yêu cầu đó, GS.TSKH Lê Văn Cẩm cũng đưa ra hai điều kiện thuộc về hành vi phòng vệ:

Một là, hành vi phòng vệ cần phải được thực hiện bằng việc gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, chứ không phải cho người thứ ba;

Hai là, cường độ của hành vi phòng vệ cần phải tương xứng với cường độ của hành vi xâm hại.

Cần lưu ý rằng, quan điểm của GS.TSKH Lê Văn Cẩm có lẽ được đưa ra khi Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định thuật ngữ “tương xứng” trong quy phạm về phòng vệ chính đáng. Đặt trong bối cảnh hiện nay, cần phải hiểu cường độ của hành vi phòng vệ phải “cần thiết” như pháp luật hình sự hiện hành quy định.

### ***1.2.3. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng:***

Phòng vệ để bảo vệ những lợi ích chính đáng chung của xã hội nói chung và quyền con người nói riêng, là hành vi được pháp luật hình sự cho phép thực hiện, nhưng không đồng nghĩa với việc công dân có quyền phòng vệ bất cứ mức độ, phạm vi và quy mô nào.

Theo Khoản 2 Điều 22 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 quy định:

*“Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.*

*Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này”.*

Như vậy, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có lý do thực hiện như phòng vệ chính đáng nhưng đã vượt quá giới hạn cần thiết so với tính chất và mức độ của hành vi xâm hại. Chính sự vượt quá giới hạn này cho phép coi hành vi mặc dù chống trả lại hành vi xâm hại là tội phạm bị pháp luật hình sự cấm thực hiện. Sự vượt quá giới hạn này cũng do nhiều nguyên nhân, có thể là khách quan hoặc có thể chủ quan của người có hành vi. Tuy nhiên do có yếu tố chống trả lại hành vi xâm hại lợi ích của xã hội, Nhà nước và cá nhân mà hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị trừng trị nhẹ so với những hành vi phạm tội khác.

Ví dụ: Ông A xem camera thấy có đối tượng khả nghi ở gần nhà mình với ý đồ trộm cắp, ông A đã cầm tuýp sắt chạy ra đuổi theo và đánh vào đầu khiến người này tử vong. Khi đó, hành vi của ông A được xem là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bởi hành vi này của ông A là chống trả quá mức cần thiết và không phù hợp với hành vi nguy hiểm của người kia gây ra.

Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thế nào là phòng vệ chính đáng ngoài Nghị quyết số 02/HĐTP (đã hết hiệu lực), theo Nghị quyết số 02 thì hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đủ các điều kiện sau:

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm cho xã hội.
- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ.
- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại.
- Hành vi phòng vệ phải tương xứng với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Theo đó, với những hành vi chống trả lại mà không đáp ứng các điều kiện nêu trên, đặc biệt việc chống trả có sự chênh lệch lớn giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại (chống trả quá mức cần thiết) có thể được xem là hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

### **1.3. Các yếu tố tác động đến việc xác định phòng vệ chính đáng:**

#### ***1.3.1. Chất lượng của quy phạm pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng:***

Chất lượng của quy phạm pháp luật là một trong những cơ sở để bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn. Chất lượng

của quy phạm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng đều cần đến hai yếu tố đó là hình thức và nội dung. Khi bàn về vấn đề này, thì theo PGS.TS Nguyễn Minh Doan cho rằng:

Đối với hình thức của một quy phạm pháp luật phải được xây dựng đúng thẩm quyền, có tên gọi phù hợp với nội dung thể hiện, hình thức rõ ràng, dễ thực hiện, trình độ kỹ thuật pháp lý cao có kết cấu chặt chẽ, logic; các thuật ngữ pháp lý phải được sử dụng chính xác, một nghĩa, lời văn trong sáng, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với khả năng nhận thức của quảng đại quần chúng nhân dân.

Đối với nội dung của một quy phạm pháp luật phải phù hợp với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội của đất nước và quan trọng hơn là nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội. Sự phù hợp của từng quy phạm pháp luật với đạo đức, văn hoá dân tộc, với thuần phong mỹ tục của đất nước, những điều này phản ánh được chất lượng của pháp luật, làm cho pháp luật được tôn trọng. Khi nói đến chất lượng của quy phạm pháp luật thì điều đầu tiên cần phải xác định đó là nhiệm vụ của quy phạm pháp luật đó. Trong hệ thống pháp luật của nước ta, mỗi ngành luật đều mang cho mình một nhiệm vụ nhất định trong việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Luật hình sự cũng đã nêu ra những nhiệm vụ cụ thể được quy định tại Điều 1:

*“Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.*

*Bộ luật này quy định về tội phạm và hình phạt.”*

Vấn đề cần nghiên cứu ở đây là chất lượng quy phạm pháp luật hình sự nói chung và phòng vệ chính đáng nói riêng, nếu chất lượng của những quy phạm pháp luật không cao thì kéo theo đó là việc áp dụng pháp luật không triệt để, đúng đắn và không đạt được những nhiệm vụ mà Bộ luật Hình sự đã đặt ra. Khi nói về chất lượng của một quy phạm pháp luật thì theo tôi phải đạt những yêu cầu sau:

Thứ nhất, quy phạm pháp luật phải mang tính khả thi, có nghĩa là phải mang tính cấp thiết và áp dụng được những quy phạm pháp luật khác.

Thứ hai, từ ngữ trong từng quy phạm pháp luật phải mang tính chất cụ thể, dễ hiểu, để không rơi vào trường hợp là mỗi người đọc và hiểu một cách khác nhau.

Thứ ba, quy phạm pháp luật phải chi tiết, không dài dòng và không mâu thuẫn hay chồng chéo với những quy phạm pháp luật khác.

Như đã nói, phòng vệ chính đáng là một trong những quy định thể hiện quyền con người, quyền công dân, có vai trò to lớn trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của mọi người trong xã hội. Chế định phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 22 Bộ luật Hình sự năm 2015 có sự thay đổi nhất định về khía cạnh lập pháp so với Bộ luật Hình sự năm 1985 (Điều 13) mà sự mâu chốt, quan trọng nhất của tư tưởng lập pháp là tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật có thể áp dụng chế định phòng vệ chính đáng một cách chính xác là việc thay thế cụm từ “tương xứng” bằng cụm từ “cần thiết”. Việc thay thế này thể hiện sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp, ở chỗ nó tạo cho các cơ quan áp dụng pháp luật có được sự chủ động, linh hoạt trong việc xác định những căn cứ đánh giá sự tương quan giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp, đồng thời nhằm loại trừ những đánh giá thuần túy mang tính cơ học là chỉ so sánh giữa hai hành vi.

Nói đến chất lượng của quy phạm pháp luật hình sự thì một câu hỏi đặt ra liên quan đến quy định phòng vệ chính đáng là tại sao không dùng thuật ngữ “tự vệ” mà là “phòng vệ”, vậy cần phải thấy được rằng quy phạm pháp luật này đang nhằm điều chỉnh vấn đề gì? Tự vệ là bản thân một người nào đó chống trả lại hành vi tấn công nhằm đề bảo vệ lợi ích cho chính bản thân họ. Nhưng trong phòng vệ thì phạm vi của nó lớn hơn vì mục tiêu của hành vi phòng vệ không chỉ là bảo vệ lợi ích của bản thân người phòng vệ mà bảo vệ lợi ích chung của Nhà nước và của người khác. Từ những phân tích trên, tôi có thể đánh giá được rằng chất lượng của quy phạm pháp luật về phòng vệ chính đáng là rất quan trọng, trong việc xác định quyền của con người, hay ranh giới giữa tội phạm và không phải tội phạm. Thuật ngữ trong quy phạm pháp luật dễ hiểu theo một nghĩa nhất định, thì giúp những người áp dụng pháp luật không bị mâu thuẫn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhất là có liên quan đến phòng vệ chính đáng, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm, đạt được những nhiệm vụ mà Bộ luật Hình sự đã đặt ra.

### ***1.3.2. Năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm của những người áp dụng pháp luật:***

Một thực tế hiện nay cho thấy rằng, người áp dụng pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả của việc đưa ra pháp luật vào thực tiễn. Để áp dụng đúng pháp luật người áp dụng pháp luật nói chung cần được trang bị những kiến thức chuyên môn nhất định và những kỹ năng không thể thiếu, nhưng quan trọng hơn hết là ý thức trách nhiệm. Một người áp dụng pháp luật dù có chuyên môn giỏi đến đâu mà không có trách nhiệm trong công việc cũng sẽ không cho ra một kết quả tốt.

Hiện nay vẫn còn một số cán bộ áp dụng pháp luật nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí chưa chính xác về các quy định pháp luật hình sự. Dẫn đến, việc vận dụng pháp luật trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, đánh giá không đúng tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội, không phân biệt được ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Mặc dù, về mặt thực tiễn hiện nay, trình độ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm được nâng cao một cách đáng kể, song trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân, đòi hỏi người áp dụng pháp luật cần phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và lý luận, đáp ứng các tiêu chuẩn Thẩm phán và các quy định khác trong Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm.

Chế định phòng vệ chính đáng là chế định mang tính nhân đạo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người phòng vệ và cho phép người bị phòng vệ được “trừng trị” người tấn công trong giới hạn luật định. Vậy nếu như cán bộ áp dụng pháp luật không có chuyên môn, không phân tích được những quy định của pháp luật và không phân tích được tình huống cũng như hành vi trong vụ án thì sẽ dễ gây ra xác định sai lầm oan người vô tội, gây hoang mang trong xã hội. Còn đối với cán bộ không có trách nhiệm, giải quyết vụ án một cách qua loa, không đặt tinh thần bảo vệ quyền lợi cho người phòng vệ, hay lớn hơn là lợi ích của đất nước thì vô hình dung bỏ lọt tội phạm, hay làm oan người vô tội. Trong trường hợp này, người áp dụng pháp luật không những không bảo vệ được lợi ích hợp pháp của người khác mà còn tước đi lợi ích hợp pháp khác của họ. Rõ ràng, trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm của những người làm công tác pháp luật nói chung ảnh hưởng lớn trong việc bảo đảm nhiệm vụ của luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng.

### ***1.3.3. Ý thức pháp luật và dư luận xã hội:***

Những năm gần đây, do Nhà nước ta đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật một cách sâu, rộng nên đã mang lại những kết quả khả quan trong việc người dân biết được tầm quan trọng của pháp luật trong đời sống, từ đó nhận thức đúng đắn và tự giác cùng Nhà nước đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thời gian qua, người dân tích cực đưa ra ý kiến đóng góp cho các văn bản quy phạm pháp luật, những ý kiến đó đã được đánh giá là tích cực và mang tính thực tiễn cao. Xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta nhiều tấm gương người tốt việc tốt, nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc bắt người phạm pháp, tố giác người phạm tội. Bên cạnh đó, vẫn còn đâu đó một bộ phận người dân trong xã hội chưa có ý thức pháp luật, họ thờ ơ với quy định của luật hình sự, thậm chí là thờ ơ với những gì xảy ra trong thực tế. Một đám học sinh nữ đánh một bạn học, thay vì mọi người can ngăn thì lại đứng xem, họ đứng xem vì nhiều



lý do. Người dân chưa ý thức được việc bảo vệ người khác cũng như bảo vệ bản thân mình. Đa số người dân thì họ nghĩ rằng luật hình sự là những tội danh và những hình phạt cơ bản, còn phòng vệ là chính đáng, họ rất mơ hồ. Nếu người dân không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ ý thức pháp luật hình sự cũng như nhận thức không đúng về chế định phòng vệ chính đáng, thì mục đích và ý nghĩa của chế định phòng vệ chính đáng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm khó mà đạt được.

Dư luận xã hội có những mặt tích cực và tiêu cực dựa vào các nguồn tin mà từ đó hình thành. Nếu nó hình thành dựa vào nguồn tin xác thực thì sẽ trở thành thông tin hữu ích nói lên những gì mà mọi người nghĩ về sự việc đó, còn nếu hình thành khi không có căn cứ hoặc dựa vào nguồn thông tin không rõ ràng cho dù là cố ý hay vô ý thì nó vẫn có thể tạo ra cái gọi là “tin đồn nhảm” và có thể bị sử dụng cho một mục đích nào đó. Dư luận xã hội đôi khi lại xâm phạm rất mạnh mẽ đến quyền riêng tư của cá nhân cho dù là đúng hay không đúng.

Dư luận xã hội có ảnh hưởng đến việc giáo dục con người, nó tác động đến ý thức con người, chi phối ý thức của cá nhân. Đa số con người đề quan tâm đến dư luận xã hội đánh giá hành vi của mình, có khuynh hướng giữ gìn, bảo vệ những đánh giá tích cực, sửa chữa sai sót đáp ứng những đòi hỏi của dư luận xã hội đối với bản thân của mỗi người. Từ đó, dư luận xã hội có thể chê hoặc khen, động viên hoặc phê phán, khuyến khích hoặc công kích những biểu hiện đạo đức, hành vi của cá nhân hoặc nhóm người trong xã hội, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, buộc cá nhân phải đi vào khuôn khổ của đạo đức và pháp luật. Chúng ta phải công nhận rằng, dư luận xã hội lan truyền rộng và có tốc độ cao, từ đây thấy được sự tham gia mạnh mẽ vào việc phổ biến pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng. Việc công khai tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến về văn bản quy phạm pháp luật nói chung, đã đem lại hiệu quả trong việc tuyên truyền pháp luật của Nhà nước, huy động được trí tuệ tập thể và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao ý thức pháp luật của người dân và nâng cao trách nhiệm của những cán bộ công tác pháp luật.

Dư luận xã hội là một phương tiện giáo dục pháp luật hết sức hiệu quả, là một trong những yếu tố giúp phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời thúc đẩy ý thức nhân đạo của mỗi người lên cao. Chúng ta phải công nhận một điều, không ai sống ngoài hoặc “đạp lên” dư luận, chính vì thế, khi một người thực hiện hành vi trái pháp luật hoặc thấy người khác bị xâm hại mà không cứu giúp thì luôn bị dư luận bàn tán và lập tức có thái độ lên án và phản đối gay gắt. Mỗi khi lợi ích cá nhân bị xâm hại hoặc lợi ích chung của đất nước, dư luận xã hội sẽ lên tiếng mạnh mẽ nhằm gây sức ép ngăn chặn đối với những hành vi đó. Chúng ta đều thấy được những mặt tích cực của

dur luận xã hội đối với pháp luật, nhưng đâu đó dur luận xã hội lại không ít những mặt tiêu cực và điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh trật tự, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của quốc gia, nghiêm trọng hơn, những thế lực thù địch có thể lợi dụng dur luận xã hội, xuyên tạc những quy định của pháp luật hình sự, từ đó truyền bá những tư tưởng phản động, chống lại Nhà nước. Ảnh hưởng của dur luận xã hội đối với pháp luật hình sự nói chung và chế định phòng vệ chính đáng nói riêng là vô cùng quan trọng, cần nâng cao hơn và xây dựng dur luận xã hội mang tính văn minh, nhằm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan, sai người vô tội, góp phần bảo vệ đất nước trong vòng trật tự.

#### **1.4. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Bộ luật Hình sự về phòng vệ chính đáng:**

##### ***1.4.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trước năm 1985 về phòng vệ chính đáng:***

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi nghiên cứu những quy định của pháp luật phong kiến Việt Nam, đặc biệt là Bộ luật Hồng Đức (1470-1497), các nhà nghiên cứu nhận thấy trong luật mặc dù không có những quy định mang tính khái quát, tập trung về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự nói chung và về trường hợp phòng vệ chính đáng nói riêng, nhưng đã có những quy định cụ thể, đơn lẻ nằm rải rác trong Đạo luật. Chẳng hạn, Điều 450 Bộ luật Hồng Đức quy định:

*“Những kẻ ban đêm vô cớ vào nhà người ta thì xử tội đồ, chủ nhân đánh chết ngay lúc ấy thì không phải tội”. Hay Điều 485 quy định: “Ông bà, cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què, gãy, bị thương, thì không phải tội, bị thương, què thì phải tội kém tội đánh bị thương thường ba bậc; đánh chết thì bị tội nhẹ hơn luật thường một bậc...”*

Sau cách mạng tháng 8/1945 thành công, đất nước đang dần dần thay đổi về mọi mặt trong đời sống xã hội, sau đó ngày 09/11/1946 bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta đã được Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thông qua, đánh dấu một bước ngoặt cho lập pháp nước ta, cùng với những thắng lợi trên thì với đại thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nhà nước được thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cũng bắt đầu từ giai đoạn này, Nhà nước ta đã nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội, ban hành ra hàng loạt các văn bản nhằm bảo vệ những lợi ích chung của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của mọi người trong xã hội.

Trước khi có Bộ luật Hình sự đầu tiên năm 1985, Toà án nhân dân tối cao cũng có chỉ thị số 07 ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi

hành công vụ. Theo tinh thần Chỉ thị 07/CT và sau này là Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau đây:

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ phải là hành vi tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội;

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ;

- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại;

- Hành vi phòng vệ phải cần thiết với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Cần thiết không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ.

Để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như: khách thể bị xâm hại và khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc...Đồng thời cũng phải chú ý yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ.

Sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức đối với hành vi xâm hại thì coi hành vi chống trả là không cần thiết và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là cần thiết thì đó là phòng vệ chính đáng.

Như vậy, tinh thần của Chỉ thị số 07/CT của Toà án nhân dân tối cao tuy chỉ là văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, nhưng qua thực tiễn xét xử, văn bản trên được sử dụng như là một văn bản giải thích chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chế định phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên, do còn hạn chế về nhiều mặt nên cả về lý luận

cũng như thực tiễn xét xử, văn bản trên chưa quy định một cách đầy đủ những dấu hiệu của chế định phòng vệ chính đáng, nên thực tiễn xét xử có không ít trường hợp còn có nhận thức rất khác nhau về phòng vệ chính đáng.

#### ***1.4.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 về phòng vệ chính đáng:***

Bộ Luật hình sự năm 1985 là Bộ luật Hình sự đầu tiên của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 27/6/1985, đánh dấu một bước phát triển mạnh mẽ trong lập pháp và thể hiện được quyền lực Nhà nước trong công cuộc bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội bằng việc quy định tội phạm, hình phạt và một số chế định quy định khác có liên quan đến tội phạm và hình phạt, trong đó có chế định phòng vệ chính đáng theo Điều 13 Bộ Luật Hình sự 1985 thì:

*“Phòng vệ chính đáng là hành vi vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, của người khác mà chống trả lại một cách tương xứng người có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên.*

*Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.*

Phân tích quy định tại Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 1985 có thể thấy nhà làm luật Việt Nam quy định các điều kiện để một hành vi phòng vệ được coi là chính đáng, theo đó, phải có hành vi đang tấn công xâm phạm lợi ích mà pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi chống trả của người phòng vệ phải mang tính tương xứng với hành vi tấn công.

Sau đó, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 hướng dẫn một số quy định của Bộ Luật Hình sự với nội dung nhắc lại Chỉ thị 07/CT ngày 22/12/1983 trước đây như sau:

Hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau đây:

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ phải là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội;
- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ;
- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại;
- Hành vi phòng vệ phải cần thiết với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Cần thiết nói trong Nghị quyết số 02 nói trên như đã nhấn mạnh không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ. Như vậy, để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc... Ngoài ra, cũng phải chú ý yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ. Nếu sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức thì bị coi là không cần thiết và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là cần thiết thì đó là phòng vệ chính đáng.

Như vậy, trong suốt quá trình thi hành Bộ luật Hình sự năm 1985 thì chế định phòng vệ chính đáng không bị chỉnh sửa mặc dù Bộ luật đã trải qua bốn lần sửa đổi bổ sung (28/12/1987, 12/8/1991, 22/12/1992 và 10/5/1997). Sự ổn định đó cũng phần nào khẳng định tính hợp lý, tính khoa học, chính xác về mặt kỹ thuật lập pháp của chế định này đối với việc áp dụng điều luật đó trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng vệ chính đáng đặt ra nhu cầu nhìn nhận lại chế định này một cách đầy đủ hơn, chính xác hơn; chỉ ra được những mặt tích cực cũng như hạn chế trong việc áp dụng chế định phòng vệ chính đáng vào thực tế đời sống xã hội.

#### ***1.4.3. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về phòng vệ chính đáng:***

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của công dân trong xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, các nhà làm luật đã quy định chế định phòng vệ chính đáng tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 1999 so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985, quy định của Bộ luật Hình sự 1999 có thay đổi thể hiện ở thuật ngữ “chống trả lại một cách tương xứng” được thay thế bằng thuật ngữ “chống trả lại một cách cần thiết”. Cần lưu ý rằng, sự thay đổi đó là cả sự thay đổi về cách tiếp cận tính chất của hành vi chống trả cho đúng với bản chất phòng vệ, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội. Năm 2009, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng quy định về phòng vệ chính đáng không có gì thay đổi. Nội dung Điều luật quy định như sau:

*“Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm”.*

Việc phân tích chế định phòng vệ chính đáng được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 cho thấy, Nhà nước cho phép mọi công dân trong trường hợp cần thiết có quyền lực thực hiện hành vi phòng vệ chống lại sự tấn công bảo vệ lợi ích hợp pháp, tuy nhiên cũng cần phải đáp ứng được những điều kiện nhất định của pháp luật. Tuy nhiên, để phòng tránh những trường hợp lợi dụng hành vi phòng vệ chính đáng để phạm tội, pháp luật hình sự Việt Nam quy định khá chặt chẽ những điều kiện của phòng vệ chính đáng gồm hai nhóm:

\* Nhóm 1: Những điều kiện thuộc về hành vi của sự xâm phạm

Trong nhóm thứ nhất này gồm các điều kiện sau:

*Một là, có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và lợi ích hợp pháp của con người.* Trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, quyền của con người luôn được cụ thể hóa bằng những quyền cơ bản của công dân (do được ghi nhận trong hiến pháp) và bao giờ cũng được xem là một chế định pháp luật rất quan trọng - đây là một trong những chế định thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của một nhà nước, thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân cùng với các cá nhân trong xã hội. Thông qua đó, có thể xác định được mức độ dân chủ của một nhà nước, một xã hội. Vì vậy, những nhà lập pháp Việt Nam luôn hoàn thiện chế định pháp luật về quyền cơ bản của công dân trong đạo luật cơ bản của Nhà nước là Hiến pháp và luôn gắn liền với nghĩa vụ của công dân. Từ đó có thể khẳng định rằng quyền con người, quyền công dân là yếu tố quan trọng trong mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội và quyền con người, quyền công dân là một trong những nội dung cơ bản nhất trong mọi hiến pháp. Mọi hành vi xâm phạm đến những lợi ích hợp pháp trên cần phải loại trừ trong xã hội, đây cũng là một trong những điều kiện xác định hành vi xâm hại đó có phải là tội phạm hay không.

*Hai là, đó phải là hành vi trái pháp luật.* Nhà nước sử dụng pháp luật bảo vệ các quan hệ xã hội bằng cách quy định chế tài để áp dụng đối với người có hành vi vi phạm. Ngoài ra, nhằm ngăn ngừa, hạn chế thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ do hành vi tấn công gây ra, Nhà nước còn quy định cho mọi công dân được quyền chống trả lại hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp. Quyền phòng vệ chính đáng được đặt ra trong thực tế khi một người đứng trước hành vi trái pháp luật đang hiện tại xảy ra hoặc đe dọa xảy ra ngay tức khắc xâm phạm đến lợi ích chính đáng của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của mình hay của người khác.

Tính trái pháp luật của hành vi xâm hại thể hiện nó phải là hành vi nguy hiểm ở mức độ đáng kể. Hành vi nguy hiểm tuy có dấu hiệu khách quan của một tội phạm cụ thể nhưng không nhất thiết phải là hành vi phạm tội.

Tính trái pháp luật biểu hiện về mặt pháp lý của tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Như vậy, hành vi xâm hại phải là hành vi trái pháp luật, nếu không phải là hành vi trái pháp luật thì không ai được phép chống trả (ví dụ: cầm dao chém người, cầm súng bắn...).

Sẽ không có phòng vệ chính đáng nếu hành vi xâm hại là của người làm công vụ được pháp luật cho phép. Trên thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm có những trường hợp hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp của người khác do người có chức trách trong bộ máy Nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện. Việc chống trả lại hành vi xâm phạm của người thi hành công vụ không được coi là phòng vệ chính đáng (ví dụ: Trường hợp chiến sĩ công an truy bắt tội phạm thì việc chống trả lại của tội phạm không được coi là hành vi phòng vệ chính đáng). Chỉ khi có những điều kiện sau thì công dân mới được quyền thực hiện hành vi chống trả:

Thứ nhất, hành vi của người có thẩm quyền rõ ràng là trái pháp luật.

Thứ hai, người phòng vệ thấy được tính trái pháp luật và tin chắc rằng việc chống trả lại nhà chức trách là để bảo vệ lợi ích nào đó của xã hội, của bản thân trước một hành vi phạm tội hoặc ít nhất là nguy hiểm của người có thẩm quyền.

Ví dụ: Cán bộ công an thi hành lệnh bắt người, trong khi người bị bắt không bỏ chạy cũng không dùng vũ lực chống cự lại, nhưng cán bộ thi hành lại dùng vũ lực đánh đập người bị bắt gây nguy hiểm đến tính mạng người bị bắt, vì cán bộ công an cho rằng người bị bắt thực hiện hành vi giết người nên rất nguy hiểm. Rõ ràng, hành vi đánh người của cán bộ công an là không đúng, thì trong trường hợp này người bị bắt có quyền chống cự.

Như vậy, hành vi trái pháp luật cho dù của nhà chức trách vẫn là hành vi nguy hiểm cho xã hội và cần phải được xử lý theo quy định chung nhưng điều kiện để công dân thực hiện quyền phòng vệ của mình trong trường hợp này là cần phải nhận thấy một cách rõ ràng về tính trái pháp luật của hành vi. Nếu như hành vi trái pháp luật của nhà chức trách chưa thực sự rõ ràng thì mọi công dân đều phải tuân thủ theo mệnh lệnh. Chính vì thế khi phòng vệ, công dân đều phải cực kỳ thận trọng và cân nhắc kỹ càng. Tuy nhiên, trong thực tiễn có nhiều trường hợp người phòng vệ cho rằng hành vi của nhà chức trách rõ ràng là trái pháp luật do có sự hiểu lầm, trên thực tế hành vi đó lại hợp pháp và được pháp luật cho phép. Theo nguyên tắc hành vi chống trả lại hành vi hợp pháp thì không thể coi là phòng vệ chính đáng mặc dù về mặt chủ quan người phòng vệ

thực sự hiểu lầm về tính hợp pháp của hành vi xâm hại. Như vậy, chỉ khi nào việc hiểu lầm của người phòng vệ là có căn cứ, có cơ sở khách quan làm cho nhiều người có thể tưởng lầm rằng hành vi của nhà chức trách là trái pháp luật thì người đó mới được miễn trách nhiệm hình sự.

*Ba là, hành vi xâm hại phải có tính hiện tại.* Nghĩa là hành vi xâm hại phải đang diễn ra hoặc đe dọa xảy ra ngay tức khắc diễn ra. Có hành vi phòng vệ đồng nghĩa với việc phải có sự tồn tại của hành vi xâm hại đang xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, hành vi tấn công xâm hại đến các lợi ích hợp pháp có thể diễn ra ở những trạng thái khác nhau như: chuẩn bị tấn công, đang diễn ra hành vi tấn công, sự tấn công đã kết thúc. Trong các trạng thái đó, pháp luật hình sự quy định điều kiện của hành vi phòng vệ chính đáng là hành vi tấn công phải đang diễn ra.

*Bốn là, hành vi xâm hại phải có tính hiện hữu.* Điều này đòi hỏi hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại có xảy ra trên thực tế và hành vi chống trả nhằm ngăn chặn hành vi tấn công, bảo vệ lợi ích bị xâm hại, hành vi phòng vệ được xem là hợp pháp khi hành vi tấn công là có thật. Sự tấn công của hành vi xâm hại phải có thật, không phải do suy đoán tưởng tượng. Tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện cho người phòng vệ có thể chủ động, phản ứng kịp thời có hiệu quả chống trả lại sự tấn công, thực tiễn cho thấy, có trường hợp đặc biệt cho phép họ thực hiện quyền phòng vệ ngay cả khi hành vi xâm hại chưa xảy ra trong thực tế nhưng có đủ cơ sở để xác định có thể xảy ra ngay tức khắc nếu không kịp thời ngăn chặn có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, nếu như người thực hiện hành vi phòng vệ chỉ được thực hiện khi hành vi xâm hại đang diễn ra thì sẽ không còn có hiệu quả nữa.

Ví dụ: Nguyễn Văn H đang cùng bạn gái đi dạo, thì gặp một nhóm thanh niên và những người này có lời lẽ chọc ghẹo khó nghe đối với bạn gái H. H lên tiếng nói “các anh nói thế là xúc phạm bạn gái tôi”, nhóm thanh niên đó trả lời “chúng tao thích như vậy, thậm chí là chúng tao đánh luôn mày”, ngay tức khắc, nhóm thanh niên gồm 5 người chạy đến tấn công anh H, dùng tay đánh liên tục vào mặt anh H và bạn gái, cùng lúc đó anh H nhặt được khúc gỗ dài 40cm đánh lại những người đang tấn công mình và anh H đã đánh gãy tay một tên trong nhóm, lập tức nhóm này dừng hành vi tấn công anh H và đưa tên bị gãy tay đến bệnh viện. Từ đây có thể thấy được những điều kiện của hành vi xâm hại đã đầy đủ: Hành vi của nhóm thanh niên rõ ràng xâm hại lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ (đến sức khỏe của anh H và bạn gái); hành vi đó gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội và trái pháp luật (tấn công người khác vô cớ); hành vi của nhóm thanh niên là có thật, đã bắt đầu và chưa kết thúc (đánh anh H và bạn gái cho đến khi anh H chống trả lại và có người bị thương thì hành vi đánh anh H mới kết thúc).



\* Nhóm 2: Những điều kiện thuộc về tính chất của hành vi phòng vệ

Nhóm này có các điều kiện sau đây:

*Một là, mục đích của hành vi phòng vệ phải nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp - lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác.* Những đối tượng này đang đứng trước mối đe dọa nguy hiểm trên thực tế cụ thể là quyền tài sản, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc các lợi ích hợp pháp khác nằm trong các quan hệ xã hội được Bộ Luật Hình sự bảo vệ.

*Hai là, phòng vệ chính đáng phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công - nguồn nguy hiểm.* Điều kiện này xuất phát từ mục đích của sự phòng vệ là ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội do đó phải nhằm vào chính nguồn nguy hiểm, có như vậy nguồn gốc làm phát sinh hành vi tấn công xâm phạm lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ.

Hành vi chống trả của người phòng vệ chỉ được chấp nhận khi gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người có hành vi tấn công chứ không được gây các thiệt hại khác như về tài sản, danh dự hay nhân phẩm bởi “Chỉ cần gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người đang có hành vi tấn công đã đủ làm tê liệt nguồn gốc làm phát sinh sự tấn công, bảo vệ lợi ích hợp pháp nên gây thiệt hại cho các lợi ích khác của người tấn công là không cần thiết” và pháp luật hình sự không coi hành vi gây thiệt hại đến tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người có hành vi tấn công là phòng vệ chính đáng.

*Ba là, hành vi phòng vệ chỉ được coi là chính đáng khi đó là hành vi chống trả ở mức cần thiết.* Đây là vấn đề phức tạp có thật trọng làm rõ vì nó liên quan trực tiếp quyền và lợi ích của người thực hiện hành vi phòng vệ. Việc xác định tính “cần thiết” nhằm phân định rõ ranh giới đâu là hành vi phòng vệ chính đáng, đâu là hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị pháp luật quy định là tội phạm để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Chính vì ý nghĩa quan trọng của việc xác định sự tương xứng và cần thiết của hành vi phòng vệ đối với hành vi tấn công nên Toà án nhân tối cao trong nhiều năm đã có các văn bản hướng quy định các căn cứ đánh sự tương quan giữa các hành vi có là Chỉ thị số 07/TANDTC ngày 22/12/1983 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Theo các văn bản hướng dẫn đó thì việc xác định mức độ tương xứng và cần thiết giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công không có nghĩa là sự ngang bằng về mặt cơ học, tức là người tấn công sử dụng công cụ phương tiện gì thì người phòng vệ cũng sử dụng công cụ phương tiện đó hoặc người có hành vi tấn công gây hại đến mức độ nào thì người phòng vệ cũng được quyền gây thiệt hại đến mức độ đó mà

sự tương xứng ở đây là về tính chất và mức độ giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công, có đánh giá hành vi tấn công cũng như hoàn cảnh cụ thể, có mối tương quan khác khi xảy ra sự việc và đánh giá sự tương quan đó với quan điểm biện chứng, nhìn nhận sự việc trong mối quan hệ tổng hoà với các mối quan hệ khác và trong trạng thái vận động. Tựu chung lại, về cơ bản chúng ta có thể dựa vào những căn cứ sau đây:

- Căn cứ thứ nhất: Dựa vào tính chất mối quan hệ xã hội bị xâm hại (khách thể), hành vi xâm hại đến mối quan hệ xã hội ngày càng quan trọng thì cường độ của hành vi phòng vệ càng cao thì mới có thể chống trả được.

- Căn cứ thứ hai: Dựa vào tính chất của hành vi tấn công dưới góc độ phương pháp tấn công, công cụ, phương tiện được sử dụng, cường độ tấn công. Nếu phương pháp tấn công càng tinh vi, sử dụng công cụ phương tiện nguy hiểm cùng cường độ tấn công lớn thì đòi hỏi sự chống trả phải ở mức quyết liệt mới có khả năng bảo vệ lợi ích hợp pháp.

- Căn cứ thứ ba: Dựa vào số lượng người tham gia tấn công.

- Căn cứ thứ tư: Dựa vào ý chí của người tấn công, nếu người đó quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng đòi hỏi hành vi chống trả phải kiên trì và quyết liệt.

- Căn cứ thứ năm: Dựa vào không gian, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh cụ thể khác khi xảy ra sự việc.

Ngoài ra, khi đánh giá mức độ cần thiết giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công cần đánh giá tổng hợp những căn cứ nêu trên đồng thời cũng phải chú ý xem xét thái độ tâm lý của người phòng vệ bởi vì thông thường trong điều kiện cấp bách khi xảy ra hành vi tấn công thì người thực hiện hành vi phòng vệ khó có thể có được sự bình tĩnh, sáng suốt để lựa chọn cách thức, công cụ cũng như mức độ gây thiệt hại phù hợp cho người tấn công. Chính vì thế nên Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định chỉ khi nào có sự không tương xứng một cách rõ ràng giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công thì hành vi phòng vệ mới bị coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Từ quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng, cũng như những phân tích trên, thì về nguyên tắc, khi có đầy đủ những điều kiện làm phát sinh quyền phòng vệ, thì người phòng vệ có thể dùng vũ lực chống trả ngay mà không cần phải đợi đến khi đó là sự lựa chọn cuối cùng hoặc lựa chọn tốt nhất hoặc không còn cách nào khác. Nhưng trong một số tình huống xảy ra trên thực tế, khi sự xâm hại đến từ một người rơi vào tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự so mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều chỉnh hành vi, với điều kiện là người phòng vệ biết ngay tình trạng của người tấn công thì người phòng

vệ chọn cách bỏ chạy trước, cho đến khi sự bỏ chạy không có hiệu quả thì sự chống trả bằng vũ lực mới được xem xét.

Ví dụ 1: A và B là hàng xóm với nhau, A biết rõ B đang bị bệnh tâm thần dẫn đến mất khả năng nhận thức. Một hôm, A qua nhà B để tìm mẹ của B, nhưng bất ngờ B vác dao đuổi chém A. A lập tức bỏ chạy, nhưng B vừa đuổi theo vừa chửi mắng A, đang chạy thì A bị vấp 1 khúc gỗ và té, lúc đó B đã tiến sát và giơ dao lên chém, thì lúc này A nhặt khúc gỗ lên đánh mạnh vào chân phải của B khiến B bị gãy chân.

Ví dụ 2: Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Thông đã có mâu thuẫn từ việc tranh chấp ranh đất, hai bên lời qua tiếng lại, có khi xô xát với nhau. Một hôm, sau khi Nguyễn Văn Thắng sử dụng ma túy thì các đại qua nhà Thông để chém Thông, vừa đi vừa là hét “Giết chết mày, giết chết mày”, Thắng lập tức xông vào nhà, chém lung tung, lúc này Thông lấy khúc củi to sau bếp, đánh mạnh vào tay phải đang cầm dao của Thắng, làm Thắng bị gãy cổ tay phải.

## **Tiểu kết chương 1**

Qua những phân tích trên, những nhà làm luật, cán bộ áp dụng pháp luật, cũng như những người nghiên cứu khoa học luật hình sự đã xác định được tầm quan trọng của phòng vệ chính đáng bởi bản chất và ý nghĩa của nó, từ đó hình thành điều kiện cần thiết của quyền phòng vệ chính đáng và những yếu tố tác động đến việc xác định đúng đắn nội dung của quyền này, giúp các nhà làm luật nhận thức chính xác, làm tiền đề cho những quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự nước ta.

## CHƯƠNG 2

### CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG – NHÌN NHẬN TỪ MỘT SỐ VỤ ÁN.

#### 2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng.

##### *2.1.1. Điểm mới quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về phòng vệ chính đáng:*

Có thể thấy rằng, quy định chế định phòng vệ chính đáng là đặc biệt quan trọng, quy định trên phản ánh chính sách hình sự, yêu cầu đề cao quyền con người, quyền công dân trong luật hình sự. Quyền phòng vệ chính đáng cho phép loại trừ trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong trường hợp có hành vi gây thiệt hại nhưng nhằm để bảo vệ tự do và an ninh cá nhân (cũng như quyền, lợi ích hợp pháp khác) của bản thân mình hoặc của người khác.

Bộ luật Hình sự năm 2015 là lần pháp điển hoá thứ ba luật hình sự. Xét riêng quy định về phòng vệ chính đáng đã có sự thay đổi nhiều hơn. Cụ thể, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã dành hẳn một chương độc lập để quy định về “Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự” (Chương IV) ngay sau Chương III về “Tội phạm” với 7 trường hợp cụ thể bao gồm: Sự kiện bất ngờ (Điều 20); Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 21); Phòng vệ chính đáng (Điều 22); Tình thế cấp thiết (Điều 23); Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24); Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ (Điều 25); Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26). Trong đó, 3 trường hợp quy định tại các Điều 24, 25, 26 là ba trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự mới được các nhà làm luật quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với chế định phòng vệ chính đáng, so với Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 đã đặt việc bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, của người khác lên trước lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức cho phù hợp với thực tiễn xét xử và yêu cầu đề cao quyền tự do và an ninh cá nhân con người, bảo vệ quyền con người theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Điều này phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 trong việc đề cao quyền tự do của cá nhân, đề cao đồng thời bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đó là “ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14 Hiến pháp năm 2013). Sự thay đổi trong kỹ thuật lập pháp của Bộ luật Hình sự năm 2015 về chế định phòng vệ chính đáng còn cho thấy sự phù hợp giữa quy định của Bộ luật Hình sự với thực tiễn cuộc sống. Thực tiễn áp dụng Bộ luật Hình sự cho

thấy, các trường hợp phòng vệ chính đáng hoặc vụ án về vượt quá phòng vệ chính đáng chủ yếu xuất phát từ việc bảo vệ lợi ích cá nhân hoặc lợi ích chính đáng của người thân thích của người phòng vệ.

Tóm lại, điều luật quy định về phòng vệ chính đáng đã được hình thành từ rất lâu trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Theo đó, ở mỗi thời kỳ khác nhau và tùy thuộc vào tình hình kinh tế - xã hội cụ thể, cũng như để đáp ứng các yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều luật này được quy định với nội dung khác nhau, tuy nhiên về bản chất pháp lý của nó đã được khẳng định nhất quán trong lập pháp hình sự - đó là trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

### ***2.1.2. Nội dung của quyền phòng vệ chính đáng:***

Phòng vệ chính đáng là trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự thứ ba được quy định tại Điều 22 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

*“1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.*

*Phòng vệ chính đáng không phải tội phạm*

*2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.*

*Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này”.*

Theo quy định của Bộ Luật Hình sự năm 2015, hành vi được coi là phòng vệ chính đáng khi thoả mãn các điều kiện:

Một là, có hành vi trái pháp luật đang xâm hại đến các lợi ích hợp pháp - cơ sở để phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Đó là những hành vi trái pháp luật tấn công xâm hại đến các lợi ích được pháp luật bảo vệ phải có tính nguy hiểm nhất định và phải đang xảy ra, tức là đã bắt đầu và chưa kết thúc. Tính trái pháp luật của hành vi xâm hại thể hiện phải là hành vi nguy hiểm ở mức độ đáng kể, có biểu hiện về mặt pháp lý của tính nguy hiểm cho xã hội cả tội phạm.

Hai là, hành vi xâm hại đến các lợi ích hợp pháp phải đang diễn ra, đang hiện hữu và có thật, không phải do suy đoán hoặc tưởng tượng. Theo đó, sự tấn công xâm phạm đến các lợi ích được pháp luật bảo vệ nên cần phải được ngăn chặn, phòng vệ kịp thời. Tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện cho người phòng vệ có thể chủ động, phản ứng kịp thời và có hiệu quả chống trả lại sự tấn công, thực tiễn cho thấy có trường hợp đặc biệt cho phép họ được thực hiện quyền phòng vệ ngay cả khi hành vi xâm hại chưa xảy ra

trên thực tế nhưng có đủ cơ sở để xác định có thể xảy ra ngay tức khắc, nếu không kịp thời ngăn chặn chắc chắn sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, nếu như người phòng vệ chỉ được thực hiện hành vi khi hành vi xâm hại đã và đang diễn ra thì sẽ không còn hiệu quả nữa.

Ba là, hành vi chống trả của người phòng vệ phải nhằm vào chính người có hành vi tấn công. Hành vi chống trả của người phòng vệ có thể gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe cho người có hành vi tấn công này, chứ không được gây thiệt hại khác như về tài sản, danh dự hay nhân phẩm, bởi vì chỉ cần gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe cho người tấn công mới có thể và đã đủ làm tê liệt nguồn gốc sự tấn công của họ và thực tiễn cũng không coi hành vi gây thiệt hại đến tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người có hành vi tấn công là phòng vệ chính đáng.

Bốn là, hành vi chống trả của người phòng vệ chính đáng phải là chống trả một cách cần thiết. Biện pháp chống trả mà người phòng vệ sử dụng trong hoàn cảnh cụ thể phải là biện pháp cần thiết để ngăn chặn, đẩy lùi hoặc loại bỏ hành vi tấn công. Hành vi chống trả, gây thiệt hại cho người có hành vi tấn công phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công. Đòi hỏi không có sự chênh lệch rõ ràng giữa hành vi tấn công và hành vi phòng vệ. Mặt khác nếu đặt ở hoàn cảnh một người đang trong tình trạng bị xâm hại hoặc bị đe dọa ngay tức khắc đến quyền lợi ích hợp pháp, thì tại thời điểm đó người bị tấn công theo quan điểm của tác giả khó có thể tính toán, cân nhắc và quyết định chống trả thế nào cho phù hợp và cần thiết. Chính vì vậy, để đánh giá sự chống trả của người phòng vệ là cần thiết hay quá mức cần thiết và vô cùng quan trọng - quyết định vấn đề là tội phạm hay không phải là tội phạm rất cần phải có văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm đảm bảo áp dụng chung, thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) vẫn chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng cho tình tiết này, chỉ có các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao từ nhiều năm trước đây xác định mức độ “tương xứng” (mặc dù cụm từ này đã được thay thế bằng “cần thiết” trong Bộ luật Hình sự năm 2015).

## **2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về phòng vệ chính đáng thông qua một số vụ án**

### ***2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định về phòng vệ chính đáng:***

\* Thực tiễn áp dụng đúng phòng vệ chính đáng:

Trong khi thống kê, thu thập các vụ án hình sự liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng ở nước ta, tôi thấy rằng trường hợp phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là không nhiều, bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, có thể là do người bị tấn công bởi tâm lý “sợ vương vào vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”

nên nhiều trường hợp đã không chống trả. Hơn nữa quy định về phòng vệ chính đáng mang tính định khái quát nên rất khó áp dụng dẫn đến thực trạng là các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự rất ít áp dụng chế định này, trừ những trường hợp đã quá rõ ràng. Tuy nhiên, ngay cả những trường hợp rõ ràng thì cách xử lý cũng rất khác nhau.

**Tình huống 1:** Ngày 21/7/2010, Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2010/HSST ngày 31/5/2010 đối với bị cáo Hoàng Văn Lượng do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Lượng đối với bản án sơ thẩm 23/2010/HSST, ngày 21/4/2010 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc thì nội dung vụ án như sau:

Theo lời khai của bị cáo Hoàng Văn Lượng thì do hai bên có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 7 giờ ngày 22/10/2009 bị cáo Hoàng Văn Lượng từ nhà ở thôn Nục Liêng, xã Xuân Long đi nhà bạn ở Bản Tàng xã Xuân Long, khi đến Nả Hâm thuộc thôn Nục Liêng khoảng 40m dừng lại để tiểu tiện thì ông Hoàng Văn An người cùng thôn bất ngờ đá một phát vào mông, Lượng quay lại đấm một phát vào mặt ông An, rồi hai người giằng co xô đẩy nhau, ông An bị tụt xuống mép bờ suối và túm được chân Lượng, Lượng đã dùng tay đẩy ông An ngã xuống suối rồi bỏ chạy vào làng Nả Mạ thuộc thôn Nục Liêng, xã Xuân Long. Sau đó ông An lên được và cầm gậy đuổi theo Lượng và hô giết đi. Khi Lượng chạy đến đường rẽ vào nhà anh Lý Văn Hưng thì An đuổi kịp và dùng gậy đánh một phát vào chân trái chân Lượng, Lượng quay lại đá một phát vào bụng An làm An ngã ngửa ra sau. Sau đó, Lượng chạy đến một đồng củi để cách đó khoảng 8m rút lấy đòn gánh dài khoảng 1m rộng khoảng 2.5cm một đầu vót nhọn quay lại đánh nhau với An, An lùi dần về phía sau khoảng 6m thì bị ngã tiếp, khi An ngã Lượng vẫn dùng gậy đập nhiều nhát vào người ông An, lúc này chị Hoàng Thị Bình là con gái ông An chạy đến dùng dao quắm tra cán gỗ chém Lượng, Lượng dùng đòn gánh đỡ làm dao rơi xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An tiếp tục cầm gậy đánh vào Lượng, Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm An chảy máu, rồi Lượng đập tiếp vào tay ông An, lúc này nhiều người can nên dừng lại.

Bản giám định pháp y số 304/2009/TTPY ngày 24 tháng 11 năm 2009 của trung tâm giám định pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận ông An bị mất 16% sức khỏe.

Tại án hình sự sơ thẩm số 23/2010/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2010 Toà án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Tuyên bố Hoàng Văn Lượng phạm tội cố ý gây thương tích. Áp dụng Khoản 2 Điều 104, các Điểm đ, p Khoản 1 Điều 46 phạt bị cáo 2 năm tù giam và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 10.476.000 đồng, xác nhận đã bồi thường 1.000.000 đồng còn bồi



thường tiếp 9.476.000 đồng. Sau đó, trong thời hạn luật định bị cáo Hoàng Văn Lượng đã kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ phòng vệ chính đáng theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự, yêu cầu xem xét lại vụ án. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Căn cứ vào kết quả thẩm tra chứng cứ tài liên tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại các nhân chứng, các luật sư.

Xét thấy: Tại phiên toà bị cáo Hoàng Văn Lượng khai bị cáo và ông An có mâu thuẫn từ trước do việc tranh chấp đất rừng, con ông An và bị cáo đã xô xát. Nên sáng ngày 22/10/2009 tại khu vực bờ suối Nà Hàm thuộc thôn Nục Liễn xã Xuân Long ông Hoàng Văn An bất ngờ đá vào mông bị cáo khi bị cáo đang đứng tiểu tiện cạnh đường, sau đó hai người giằng co, xô đẩy nhau, ông An bị tụt xuống bờ suối khi đó An túm chân bị cáo nhưng bị cáo đã đẩy được An rơi xuống bờ suối và bị cáo vội vàng bỏ chạy về phía làng Nà Mạ thuộc thôn Nục Liễn. Sau đó An lên được cầm gậy đuổi theo bị cáo và hô giết đi, giết đi. An đuổi đến đường rẽ vào nhà anh Lý Văn Hưng thì kịp và dùng gậy đập mạnh vào chân trái Lượng để lại vết sau này Công an đã khám xét lập biên bản ghi lại.

Do bị An đuổi và đánh vào chân nên Lượng đã đá vào bụng An làm An ngã và Lượng chạy đến gánh củi cách chỗ An ngã theo mô tả của bản kết luận điều tra là 8m, rút được đòn gánh ở gánh củi ra thì An cầm gậy xông vào Lượng nên hai người lại dùng gậy đánh nhau, An lùi lại khoảng 6m. Lúc này chị Hoàng Thị Bình sinh năm 1979 là con gái ông An cầm dao quắm tra cán gỗ xông vào chém Lượng, bị Lượng gạt rơi dao xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An cầm gậy xông vào Lượng nên Lượng dùng đòn gánh đỡ và đánh lại An ngay làm An bị thương vào trán và tay chảy máu, đến đây sự việc dừng lại và mọi người cũng vào can. Sự việc và những diễn biến của vụ án được các nhân chứng tại phiên toà phúc thẩm công nhận.

Xét thấy việc ông An cầm gậy đuổi theo Lượng và hô giết đi, giết đi và đánh nhau bằng gậy ở gần gánh củi và gây náo động của khu vực đó, có sự xác nhận của các nhân chứng tại phiên toà ngày hôm nay là anh Hưng, chị Văn, chị Ngân, chị Hợi có mặt tại phiên toà. Với sự việc diễn biến trên, kiểm sát viên đề nghị chấm nhận kháng cáo, tuyên bố bị cáo không có tội, huỷ bỏ toàn bộ án sơ thẩm, đình chỉ vụ án. Xét do bị An tấn công nhiều lần, Lượng chỉ chống trả một cách hợp pháp và cho đến khi bị thương thì An mới chấm dứt hành vi tấn công của mình và Lượng cũng đã chống trả hợp pháp và thoả mãn những yêu cầu tại Điều 15 Bộ luật hình sự hiện hành, chứ không phải cấu thành tội cố ý gây thương tích, vì vậy Lượng không hề chủ động gây thương tích cho An. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền khôi phục lại các quyền và lợi ích hợp pháp của Lượng trong quá trình tiến hành tố tụng theo luật định.

Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

“1.Chấp nhận kháng cáo, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/10/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Lượng không có tội, đình chỉ vụ án.

2. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án”.

Tôi đồng tình với quyết định này của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, bởi lẽ, diễn biến của vụ án trên cho thấy rằng thoả mãn các điều kiện được quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự, cụ thể:

Thứ nhất, hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp - cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Xuất phát từ hành vi tấn công thì làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng và nếu không có hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp thì không có phòng vệ chính đáng. Ở đây, ông An có hành vi dùng cây đuổi đánh anh Lượng và luôn miệng kêu rằng “giết nó, giết nó”, chị Bình thì có hành vi dùng dao quắm chém anh Lượng, mặc dù trước đó anh Lượng bị tấn công đã bỏ chạy nhưng ông An và chị Bình thay phiên nhau tấn công anh Lượng nhằm xâm hại đến lợi ích hợp pháp của anh Lượng. Việc tấn công của các đối tượng này là ngay tức khắc và đe dọa trực tiếp đến tính mạng và sức khoẻ của anh Lượng.

Thứ hai, hành vi tấn công tồn tại có thật và đang diễn ra chứ không phải do suy đoán tượng tượng. Sự tấn công phải có thật, có nghĩa là sự xâm hại đối với những lợi ích được pháp luật bảo vệ đang gây thiệt hại thực sự hoặc đe dọa ngay tức khắc cho những lợi ích hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Đối chiếu với nội dung vụ án cho thấy, khi anh Lượng bất ngờ bị ông An đá khi đang đứng tiểu tiện, anh Lượng đã giằng co và đẩy ông An. Nhưng diễn biến của sự việc cho thấy ông An không hề muốn dừng lại hành vi của mình, mà tiếp tục cầm gậy đuổi theo Lượng, cuối cùng gặp được Lượng và tấn công bằng gậy, Lượng cũng lấy đòn gánh đỡ, sau đó chị Bình lại dùng dao tấn công khi thấy ông An bị té ngã. Tại thời điểm này, tính mạng, sức khoẻ của anh Lượng đang bị 2 đối tượng đe dọa xâm hại ngay tức khắc thật sự. Nếu anh Lượng không dùng đòn gánh chống trả liên tiếp những hành vi tấn công trên, hoặc nếu anh Lượng không đỡ được nhát dao của chị Bình thì anh Lượng sẽ ra sao, anh Lượng không gây thương tích cho ông An thì sự việc sẽ diễn biến thế nào, liệu ông An không bị thương thì có dừng hành vi tấn công Lượng không? Tôi suy diễn điều này là có căn cứ, sau bao nhiêu lần bị anh Lượng làm té, ông An vẫn không buông bỏ ý định tấn công lượng.

Thứ ba, phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công mà còn có thể phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công. Bộ Luật Hình sự quy định hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công chứ không được gây thiệt hại cho lợi ích của người khác. Quy định này xuất phát từ mục đích, yêu cầu của phòng vệ chính đáng, muốn ngăn chặn được sự tấn công bảo vệ lợi ích hợp pháp người có hành vi phòng vệ phải hướng sự chống trả của mình vào việc gây thiệt hại cho người đang có hành vi tấn công. Có như vậy nguồn gốc làm phát sinh hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ tận gốc. Anh Lượng dùng đòn gánh chống trả cả 02 hành vi tấn công mình là hợp pháp, gây thương tích 16% cho ông An ( người đang có hành vi tấn công, xâm hại đến lợi ích của anh Lượng), có nghĩa là hành vi của anh Lượng gây thiệt hại cho ông An đang có hành vi tấn công nhằm đẩy lùi sự tấn công để bảo vệ lợi ích cho chính đáng của mình.

Thứ tư, hành vi phòng vệ chỉ được coi là chính đáng khi hành vi đó là hành vi chống trả cần thiết. Như vậy, ở đây chúng ta cần xem xét hành vi phòng vệ của anh Lượng (Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm ông An chảy máu) có thực sự cần thiết không? Theo tôi với diễn biến trên của vụ án thì tôi thấy hành vi chống trả của anh Lượng là hoàn toàn cần thiết và hợp lý. Bởi lẽ, cần nhìn nhận rằng, mọi chuyện xảy ra đều do ông An, chúng ta nhìn tổng thể hành vi, chứ không chỉ trên vũ khí của cả người tấn công lẫn người phòng vệ. Khi ông An bất ngờ đá vào người anh Lượng, thì lúc này anh đã ngăn chặn bằng cách đẩy ông An xuống bờ suối rồi bỏ chạy, nhưng ông An đã lên được và cầm gậy đuổi theo Lượng và luôn miệng kêu “giết đi”, ngay lúc đó, An đuổi kịp và dùng gậy đánh một phát vào chân trái của Lượng, Lượng quay lại đá một phát vào bụng An làm An ngã ngửa ra sau. Sau đó, Lượng chạy đến một đồng củi để cách đó khoảng 8m rút lấy đòn gánh dài khoảng 1 rộng khoảng 2,5cm một đầu vót nhọn quay lại đánh nhau với An, An lùi dần về phía sau khoảng 6m thì bị ngã tiếp, khi An ngã Lượng vẫn dùng gậy đập nhiều nhất vào người ông An, lúc này chị Hoàng Thị Bình là con gái ông An chạy đến dùng dao quắm tra cán gỗ chém Lượng, Lượng dùng đòn gánh đỡ làm dao rơi xuống đất, Lượng cúi xuống nhặt con dao của chị Bình thì lúc này An tiếp tục cầm gậy xông đánh Lượng, Lượng giơ tay đỡ và đập một phát vào trán ông An làm An chảy máu. Chúng ta đều thấy rằng, anh Lượng là người phòng vệ, còn bên có hành vi tấn công có 2 người (trong đó chị Bình cầm dao theo), rõ ràng lực lượng không tương quan, vũ khí lúc này cũng không còn tương quan. Khi anh Lượng đánh vào trán làm An chảy máu thì An không còn tấn công Lượng nữa, khi chị Bình chém nhưng dao bị rơi cũng đã dừng lại hành vi tấn công, cùng lúc này cho thấy Lượng cũng không còn có hành vi chống trả nữa. Rõ ràng, anh Lượng đã gây thương tích 16% cho ông An nhưng hành vi đó là tích cực, chủ động phòng ngừa để đấu tranh phòng, chống tội phạm.

**Tình huống 2:** Chị Vũ Thị N (20 tuổi) quen anh Lê Văn H (23 tuổi) qua mạng. Tối 08/3/2021, anh H có qua nhà chờ chị N đi chơi, tối muộn anh H chờ chị N đến công viên nói chuyện. Lúc này, do không kiểm chế được anh H đòi quan hệ tình dục nhưng chị N không đồng ý, đẩy ra. Chị N bị anh H vật ngã rồi rút dao đe dọa. Khi có người đi qua chị N định hô hoán nhưng bị anh H bịt miệng, dọa nằm im nếu không sẽ giết. Giằng co qua lại, chị N cắn vào tay anh H, giật được dao rồi bỏ chạy nhưng bị H kéo lại, N liền đâm H ba nhát rồi chạy thoát. Gặp người dân bên đường, N mượn điện thoại gọi Công an trình báo và nhờ đến cứu giúp H, sau đó N đón taxi về nhà. Nạn nhân cũng chạy bỏ đi nhưng chạy được một đoạn thì ngã và tử vong.

Trường hợp này, việc nhận định Vũ Thị N phạm tội “Giết người do vượt quá phòng vệ chính đáng” là không có căn cứ. Quan điểm của tôi về vụ án này như sau:

Điều 126 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau: “Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”. Như vậy, để cấu thành tội phạm trên, cần chứng minh được hai yếu tố: thứ nhất, N đã có hành vi “Giết người”; thứ hai, hành vi đó được thực hiện trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Về yếu tố thứ nhất: Hành vi “Giết người” phải được thực hiện với lỗi cố ý, nghĩa là người phạm tội mong muốn hậu quả xảy ra hoặc không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Trường hợp này có thể khẳng định, N không cố ý tước đi tính mạng của H. Phân tích ý thức chủ quan, N không hề mong muốn hậu quả chết người xảy ra. Tình huống đã nêu ra, thời điểm giật được dao, N đã bỏ chạy chứ không đâm H. Hành vi đâm H của N thực hiện khi bị kéo lại, trong tình trạng hoảng loạn, chỉ nhằm mục đích thoát thân. Sau khi H bỏ đi, N đã mượn điện thoại gọi Công an trình báo và nhờ đến cứu H. Hành vi trên không thoả mãn mặt chủ quan của tội Giết người.

Về yếu tố thứ hai: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định “Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên”. Vậy như thế nào là “chống trả lại một cách cần thiết”? Vận dụng Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật Hình sự năm 1985. Theo đó, mục II của Nghị quyết hướng dẫn cụ thể như sau:

“Hành vi phòng vệ phải tương xứng với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành

vi phạm. Tương xứng không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm phạm phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm phạm đe dọa gây ra cho người phòng vệ.

Để xem xét hành vi chống trả có tương xứng hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm phạm và hành vi phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm phạm có thể gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm phạm; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc (nơi vắng người, nơi đông người, đêm khuya)... Đồng thời cũng cần phải chú ý đến yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ”.

Trong trường hợp này, H đã đe dọa xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm thậm chí là tính mạng của N (vật ngã rồi rút dao đe dọa nằm im nếu không sẽ giết). H là nam giới có thể lực vượt trội hơn, dùng dao là vũ khí nguy hiểm trong hoàn cảnh tối muộn. Về cường độ của sự tấn công: H vật ngã rồi rút dao đe dọa, giằng co qua lại, khi N cắn vào tay H bỏ chạy thì H vẫn quyết tâm kéo lại. Việc đâm ba nhát dao rõ ràng là đâm loạn xạ trong tư thế bị kéo lại, không nhằm mục đích tước đoạt mạng sống của H. Tôi cho rằng trường hợp này N chỉ cần đâm một nhát rồi bỏ chạy. Tuy nhiên, trước mối đe dọa nguy hiểm, chênh lệch về thể lực, cường độ tấn công dồn dập trong hoàn cảnh đêm khuya, chị N không thể có điều kiện bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp. Hậu quả chết người là không mong muốn. Như vậy, hành vi của chị N là phòng vệ chính đáng, hành vi của N không phải là tội phạm.

**Tình huống 3:** Ngày 05/9/2019, Trần Thế X, trú tại số nhà 63B đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đ mượn một chiếc xe ô tô tải để sáng ngày 06/9/2019 chở đá hoa cương đến công trình. Do nhà không có chỗ đỗ xe ô tô nên X đến nhà ông Trần Thanh M là hàng xóm gần nhà, làm dịch vụ rửa xe để xin gửi xe qua đêm. Ông M đồng ý nên chiều cùng ngày, X nhờ tài xế điều khiển xe đỗ trong sân nhà ông M. Khoảng 22 giờ 30 phút, sau khi đi ngủ về, ông M thấy xe đỗ không ngay ngắn, không để chìa khóa trên xe như đã dặn trước đó, nên ông M đi sang nhà X to tiếng mắng chửi X. Thấy vậy, chị Lương Thị V là vợ của X giải thích X đã đến nhà tìm ông M hai lần để đưa chìa khóa nhưng ông M không có nhà. Ngay sau đó, X cầm chìa khóa xe ô tô đi sang nhà ông M. Tại đây, cả hai tiếp tục cãi nhau thì ông M lấy 01 con dao (dài 109cm, cán bằng tre dài 60cm, lưỡi bằng kim loại dài 49cm (hình cong), mũi dao vát rộng 10cm, bản đẹp, trên mũi dao có 01 hình tròn đường kính 02cm) đuổi chém X. X bỏ chạy về nhà và đóng cửa lại nên ông M đứng ngoài đường chửi mắng X rồi bỏ về. Khoảng 05 phút sau, do lo sợ

ông M phá xe ô tô nên X nói với chị V lấy chìa khóa đi nhờ người điều khiển xe ô tô ra ngoài, không gửi ở sân nhà ông M nữa. X ra vỉa hè cạnh nhà nhìn theo chị V thì thấy ông M đang cầm dao đi nhanh về phía X. Thấy thái độ hung hăng của ông M, X liền cầm chiếc xẻng (dài 173cm, cán bằng tre dài 142cm, đường kính 04cm, lưỡi bằng kim loại dài 31cm, rộng 23,5cm) gần chỗ X đang đứng. Lúc này, anh Đinh Ngọc T kéo X lùi về đứng trên vỉa hè trước cổng nhà của X nhưng ông M vẫn cầm dao chạy tới. Ông M cầm dao bằng hai tay lao về phía X đang đứng, chém 01 nhát từ trên cao xuống hơi chệch từ phải sang trái. X lùi lại để tránh nên không trúng, đồng thời X dùng hai tay cầm xẻng đánh từ trên xuống dưới trúng vào đầu ông M làm ông M ngã xuống đường. Khi phát hiện ông M bị thương, X cùng anh T và anh Q đưa ông M đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa. Kết luận giám định thương tật ông M: Sẹo trán phải dính, xơ cứng, hình chữ V, kích thước 5,5cm x 0,2cm, ảnh hưởng thẩm mỹ; khuyết sọ trán phải kích thước 2cm x 2,5cm, đáy chắc; tổn thương não vùng trán phải; sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại là 48%. Hội đồng xét xử tuyên X phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Trường hợp này, tôi cho rằng, hành vi của X là phòng vệ chính đáng. Bởi vì, có thể thấy ông M đã vô cớ, hung hăng cầm dao là hung khí có sức sát thương cao đuổi chém X. Về phần X thì ngay từ khi phát sinh mâu thuẫn, X đã chủ động xin lỗi, khắc phục, khi thấy ông M cầm dao đuổi chém mình thì X chủ động bỏ chạy, chỉ khi ông M đuổi kịp và chém trượt X thì X mới dùng đánh một cái trúng đầu ông M. Khi thấy ông M bị thương và không còn tấn công mình nữa thì X cũng ngừng chống trả, X đã cùng mọi người đưa ông M đi cấp cứu. Hành vi của X là phù hợp, tương xứng và cần thiết để gạt bỏ sự tấn công từ phía ông M nên đây là phòng vệ chính đáng. Theo tác giả, để xem xét hành vi phòng vệ có rõ ràng vượt quá mức cần thiết hay không thì cần phải chú ý đến hoàn cảnh, nhận thức của người phòng vệ tại thời điểm xảy ra vụ việc. Bởi vì, phòng vệ chính đáng là tình tiết loại trừ yếu tố nguy hiểm cho xã hội của hành vi; thông qua phòng vệ chính đáng, Nhà nước khuyến khích người dân ngăn chặn những hành vi nguy hiểm, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích chính đáng của họ, của Nhà nước hoặc của cơ quan, tổ chức. Việc chống trả đó nếu gây thiệt hại cho người tấn công trong một giới hạn nhất định thì vẫn sẽ được Nhà nước bảo vệ, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, giới hạn của việc phòng vệ là một phạm trù còn chưa thống nhất, do đó, việc đòi hỏi người phòng vệ - phần lớn không am hiểu pháp luật, trong một hoàn cảnh cấp thiết mà không do họ tạo nên phải lựa chọn cách thức, mức độ phòng vệ phù hợp là không hợp lý.

**Tình huống 4:** Khoảng 18h30' ngày 07/3/2021, Lê Đức B đang ở nhà Lê Thị Xuân Phương sinh năm ở thôn 3 xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (bạn gái B)

đền dự sinh nhật của Phương, trong số bạn bè đến sinh nhật Phương có Lê Hữu A và Trịnh Hữu Thảo ở thị trấn huyện Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn là bạn học cùng lớp với Phương. Do trước đây giữa Lê Đức B và Nguyễn Hữu A có mâu thuẫn với nhau nên B nảy sinh ý định đánh A, B gọi điện thoại cho Lê Ngọc Hoàn (là bạn) rồi đưa điện thoại cho Lê Văn Thế Anh nhờ nói với Hoàn là “bạn B bị đánh nhanh nhanh xuống đây”, mục đích là bảo Hoàn và các bạn xuống nhà Phương để đánh Lê Hữu A. Khi nghe điện thoại của Lê Đức B, Lê Ngọc Hoàn đang cùng với Lê Đức C; Ngô Tiến D; Lê Văn Hiếu; Lê Văn Hải; Phạm Xuân Thuận; Trần Xuân Mùi; Lê Quang Dũng đều ở xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn đang dự sinh nhật người bạn tên Mạnh ở cùng xã nên Ngô Tiến D giật lấy điện thoại của Hoàn và nói “mì đợi đấy tau xuống”. Sau đó, C, Hoàn cùng số người trên đi xe máy xuống nhà Lê Thị Xuân Phương. Đến nơi, Lê Đức B đi ra Lê Ngọc Hoàn hỏi Lê Đức B đối tượng muốn đánh là ai? Lê Đức C nói “thằng nào đánh em tao” thì B bảo là Lê Hữu A, người say rượu đang nằm trong nhà, lúc nào A về thì B báo cho biết để đánh rồi mời mọi người vào trong nhà, nhưng chỉ có Ngô Tiến D và Lê Đức C vào nhà uống rượu, số người còn lại ngồi chơi nói chuyện ở cổng. Khi Lê Hữu A, Trịnh Hữu Thảo ra về, B nói cho Hoàn, Hải nên Hoàn, Hải cùng Hiếu đi xe máy ra trước, cách cổng một đoạn thì dừng lại chờ A, Thảo. Vừa thấy Lê Hữu A điều khiển xe máy đi đến, Lê Văn Hải lao ra tạo có va chạm rồi gây sự và xông vào dùng tay nắm Lê Hữu A, A đánh lại thì Lê Ngọc Hoàn, Lê Văn Hiếu xông vào dùng chân, tay đánh A và Thảo, bị đánh A rút dao (dạng dao nhọn một đầu dài khoảng 15 - 16cm, cán màu nâu) trong túi quần đánh trả và đâm một nhát trúng vào mông Hải làm Hải bị thương bỏ chạy thì được mọi người đến can ngăn nên Thảo điều khiển xe máy chở A đi về. Nghe tiếng ồn ào ngoài cổng, Lê Đức C, Ngô Tiến D, Lê Đức B biết Lê Ngọc Hoàn, Lê Văn Hải, Lê Văn Hiếu gây sự đánh nhau với Lê Hữu A, Trịnh Hữu Thảo nên D chạy vào bếp nhà Lê Thị Xuân Phương lấy 01 con dao dạng dao phay có chiều dài 40,5cm, trong đó phần cán dao bằng gỗ được bọc kim loại bên ngoài dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27,5cm, rộng 7,5cm, đầu lưỡi dao bằng, sắc một bên dắt vào người, Lê Đức C hỏi Lê Đức B lấy mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen- bạc, biển kiểm soát 36B5-507.20 và chìa khóa xe mô tô rồi gọi Ngô Tiến D với mục đích đi đánh Lê Hữu A, Trịnh Hữu Thảo. Khi Ngô Tiến D lên xe ngồi, C hỏi D có đem theo gì không (tức là có đem theo hung khí không) thì D nói có đem theo con dao. Lê Đức C điều khiển xe máy chở Ngô Tiến D ra đến địa điểm đánh nhau. C, D thấy một người đi xe đạp điện tưởng nhầm là Lê Hữu A nên cùng D xông vào đánh thì nghe nói đánh nhầm người (người Lê Đức B muốn đánh và là người đâm Lê Văn Hải đi xe máy biển kiểm soát AA đã bỏ chạy) nên D, C dừng lại không đánh rồi C lấy xe máy chở Ngô Tiến D tiếp tục đuổi theo Lê Hữu A và Trịnh Hữu Thảo theo hướng xã Thọ Tân đi thị trấn Triệu Sơn, đuổi theo đến gần doanh trại bộ đội thuộc xã Minh Sơn thì thấy Lê Hữu A và Trịnh Hữu Thảo đi phía trước, Trường hô lên “bay

có đứng lại không” thì cả hai vẫn điều khiển xe bỏ chạy, C tăng ga đuổi theo ra đến gần đường tỉnh lộ 514 thì vượt trái áp sát để D chém A, Thảo. Bị D chém vào người thì A quay người dơ tay trái lên đỡ nên bị thương vào đầu và tay, đồng thời dùng dao chống trả chém lại gây thương tích cho D, D tiếp tục vung dao chém A, Thảo thấy A bị chảy nhiều máu nên xin D dừng chém. Sau đó, C điều khiển xe đưa D quay về trạm y tế xã Thọ Tân và đến Trạm y tế xã Xuân Thọ để băng bó vết thương; còn A được Thảo đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn để cấp cứu và đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa để điều trị. Theo kết luận, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Hữu A là 48%, của Ngô Tiến D là 13% và của Lê Văn Hải 03%. Ban đầu từ người bị hại, qua lần xét xử sơ thẩm lại Lê Hữu A bị tuyên với tội danh là cố ý gây thương tích.

Đối với kết quả bản án như trên thì tôi hoàn toàn không đồng ý:

Thứ nhất nếu xét trong hoàn cảnh phải phòng vệ thì người phạm tội thực tế rất khó thấy trước hậu quả chết người tất yếu sẽ xảy ra. Bởi vì, ngay từ đầu Thuận đã bị động khi bị tấn công trước và khi thực hiện hành vi chống trả, thì họ có rất ít điều kiện cũng như thời gian để nhìn nhận tính nguy hiểm của hành vi chống trả đó, nhất là trong các trường hợp bị hại tấn công một cách quyết liệt, hung hãn cao độ. Xét về tâm lý khi bị tấn công, người phòng vệ thường sợ hãi, lúng túng, cố tìm cách chống trả để thoát thân, nên việc đòi hỏi họ phải chủ động tránh những vị trí trọng yếu trên cơ thể đối tượng tấn công rõ ràng là không phù hợp với bản chất của hành vi phòng vệ. Do đó, việc người phòng vệ tác động vào những vùng trọng yếu trên cơ thể người tấn công (nếu có xảy ra), thì chỉ là sự ngẫu nhiên xuất phát từ bản chất của phòng vệ chính đáng. Tại thời điểm đó, người phòng vệ hoàn toàn không có đủ điều kiện để nhận thức hay đánh giá được đâu là vùng trọng yếu trên cơ thể của người tấn công và hoàn toàn không có chủ ý tác động vào những vùng đó nhằm gây ra cái chết cho người tấn công.

Thứ hai, xét về con dao là hung khí mà A đã sử dụng trong vụ án, trong quá trình xét xử có phủ nhận việc A mang theo con dao bên người là không phải phòng vệ chính đáng như vậy là hoàn toàn không hợp lý. Khi con người ta mang theo công cụ, phương tiện bên người chính là để đề phòng cho những trường hợp bất trắc như vậy có thể xảy ra. A không phải là người tấn công trước, A bị Hải, Hoàn, Hiểu vô cớ tấn công tại gần nhà Phương, trong tình thế đột ngột bị đánh hội đồng như thế thì A nhìn thấy con dao rơi ra từ cốp xe nên mới nhặt để chống trả; khi được mọi người can ngăn thì A đã rời đi ngay lập tức. Trong quá trình di chuyển về nhà, Lê Hữu A và Trịnh Hữu Thảo bị Lê Đức C và Ngô Tiến D (cùng trong nhóm bạn với Hải, Hiểu, Hoàn, Trung) đuổi theo phía sau, C áp sát xe Thảo, D cầm dao chém A trước chính vì bị chém trước nên A đã lấy tay trái để đỡ đồng thời lấy dao ra để chém lại. Như vậy trong hai trường hợp liên tiếp xảy



ra, A không hề tự cầm dao tấn công trước mà chỉ dùng dao khi bị tấn công và không có khả năng chống đỡ nổi. Có thể nói việc dùng dao của A là trường hợp phòng vệ chính đáng.

\* Thực tiễn áp dụng không đúng phòng vệ chính đáng:

Cho đến nay đã có nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học hoặc tạp chí chuyên ngành về phòng vệ chính đáng cũng như tội phạm do vượt quá phòng vệ chính đáng. Những hành vi này có các tình tiết, dấu hiệu rất giống nhau mà ranh giới cũng rất mong manh khó phân biệt nên khi có sự chuyển hoá từ phòng vệ chính đáng sang vượt quá phòng vệ chính đáng thì bản chất của vấn đề sẽ hoàn toàn thay đổi. Từ một hành vi được pháp luật hình sự chấp nhận, thậm chí được khuyến khích tuyên dương thì hành vi phòng vệ vượt quá phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự. Chính vì liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người phòng vệ đồng thời nhằm đảm bảo pháp chế, tính công minh của pháp luật vì thế cần thiết phải áp dụng pháp luật một cách đúng đắn. Tuy nhiên, trong thực tiễn đời sống và công tác thi hành pháp luật thì việc phân biệt, đánh giá sự tương xứng và cần thiết của hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công không phải lúc nào cũng đơn giản nhất là đối với những công dân bình thường khi gặp tình huống cụ thể trong cuộc sống, thậm chí ngay cả những cán bộ tư pháp hình sự - người trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đôi khi vẫn còn tỏ ra lúng túng. Vụ án dưới đây là một minh chứng. Nội dung vụ án như sau:

**Tình huống 1:** Khoảng 0 giờ 14 phút ngày 23/11/2017, do không được bỏ cho ăn cơm nên cháu Nguyễn Đăng T (sinh ngày 16/5/2002) đã trèo qua lỗ thoáng gió trên cửa xếp sắt đột nhập vào trong nhà Lê Minh P tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, là cửa hàng tạp hoá của gia đình P để trộm cắp tài sản. Khi vào trong nhà, cháu T lục lọi tủ bán hàng, lấy trộm số tiền khoảng 20.000 đồng - 30.000 đồng cất vào túi sau quần bò rồi quay ra lấy bánh mì để ăn. Trong khi trèo vào nhà P, cháu T chạm vào cửa xếp sắt gây tiếng động. Lúc này, bà Nguyễn Bích L (vợ P) đang ngủ trên gác xếp, đang ngủ nghe thấy tiếng động nên nhìn qua khe cửa sổ trên gác xếp xuống dưới gian bán hàng tạp hoá, thì thấy cháu T đang ở trong nhà. Bà L gọi P dậy và nói có người vào nhà. P đi xuống cầu thang xuống dưới khu bán hàng. Trong khi P đi xuống thì bà L gọi điện thoại cho chị Trần Thị H (sinh năm 1994, là con dâu, đang ngủ ở phòng dưới cùng 03 con nhỏ) thông báo trong nhà có trộm và bảo chị H khóa cửa phòng ngủ lại để trộm không làm hại. Khi đi xuống tầng 1, P lấy 01 thanh kiếm (chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, lưỡi kiếm đã gỉ, kiếm dài 99cm) để ở khu đồ đồi diện với cầu thang trên gác, cầm kiếm bằng tay phải, giơ lên chém liên tiếp 02 nhát trúng đầu và tay của cháu T. Do

bị chém, cháu T bỏ chạy ra khu vực cửa xếp sắt và nói: “*Bác ơi, cháu xin bác, sao bác đánh cháu đau thế*” rồi cúi đầu xuống gầm chiếc bàn nhựa sát cửa xếp. Bà L nghe thấy tiếng cháu T nói, biết P đã bắt được kẻ trộm nên đi từ trên gác xếp xuống bật đèn sáng lên và đi ra hỏi Tùng: “*Mày con nhà ai*”. Cháu T trả lời: “*Cháu con nhà L say*”. Chị H nghe thấy tiếng bà L và cháu T nói nên từ trong phòng ngủ đi ra. Chị H hỏi số điện thoại và gọi điện thoại cho gia đình cháu T nhưng không ai nghe máy. Thấy cháu T bị chảy nhiều máu ở đầu và tay nên chị H gọi điện thoại số 115 cho xe cấp cứu đến đưa cháu T đi bệnh viện; đồng thời gọi điện thoại cho Công an phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm trình báo sự việc trên. P đem thanh kiếm sử dụng chém cháu T cất giấu dưới gầm kệ để hàng hóa và đem ra 01 thanh sắt (dài 60cm, đường kính 1,5cm) dựng vào sát tường nhà. Khi Công an phường Tây Tựu đến hiện trường, P giao nộp thanh sắt và khai sử dụng thanh sắt trên đánh cháu T, rồi đến trụ sở Công an phường Tây Tựu khai báo về hành vi của mình. Cháu Nguyễn Đăng T được xe cấp cứu đến đưa đi bệnh viện và điều trị kịp thời nên không bị tử vong. Qua giám định y thương tích thì kết luận tỷ lệ tổn hại sức khoẻ đối với cháu T là 92%. Qua quá trình phân tích, điều tra Tòa án tuyên bố bị cáo Lê Minh P phạm tội giết người, xử phạt 09 năm tù giam và thực hiện trách nhiệm dân sự đối với cháu Nguyễn Đăng T.

Từ tình huống này tôi có những nhận định dưới đây:

Thứ nhất, hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp - cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Xuất phát từ hành vi tấn công thì làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng và nếu không có hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp thì không có phòng vệ chính đáng. Ở đây, Nguyễn Đăng T có hành vi trèo qua lỗ thoáng gió trên cửa xếp sắt đột nhập vào cửa hàng tạp hoá của nhà ông P để trộm cắp tài sản. Việc tấn công này là ngay tức khắc và đe dọa trực tiếp đến tài sản cũng như tính mạng nhà ông P.

Thứ hai, hành vi tấn công phải tồn tại có thật và đang diễn ra chứ không phải do suy đoán tưởng tượng. Sự tấn công phải có sự thật, có nghĩa là sự xâm hại đối với những lợi ích được pháp luật bảo vệ đang gây thiệt hại thực sự hoặc đe dọa ngay tức khắc cho những lợi ích hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án ta thấy, Nguyễn Đăng T đã đột nhập vào nhà ông P với ý định trộm cắp, có thể thấy T đã có kế hoạch và xác định được đối tượng một cách rõ ràng từ trước. Nguyễn Đăng T đã đột nhập lấy đi 20.000 đồng - 30.000 đồng và bánh mì để ăn, khi nhìn qua khe cửa sổ trên gác xếp bà L nhìn thấy có người đột nhập vào nhà mình. Xác định được có sự xâm hại đến lợi ích của nhà mình, bà L đã nói với chồng là ông P, ông P đã lập tức xuống để xem tình hình.

Thứ ba, phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công mà còn có thể gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công. Bộ Luật Hình sự quy

định hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công chứ không được gây thiệt hại cho lợi ích của người khác. Quy định này xuất phát từ mục đích, yêu cầu của phòng vệ chính đáng, muốn ngăn chặn được sự tấn công bảo vệ được lợi ích hợp pháp người có hành vi phòng vệ phải hướng sự chống trả của mình vào việc gây thiệt hại cho người đang có hành vi tấn công. Có như vậy nguồn gốc làm phát sinh hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ tận gốc. Sau khi được bà L nói cho biết có người đột nhập vào nhà mình, ông P đã đi xuống khi đi xuống tầng 1, P lấy 01 thanh kiếm (chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, lưỡi kiếm đã gỉ, kiếm dài 99cm) để ở khu đồ đối diện với cầu thang trên gác, cầm trên tay đi đến nơi bán hàng tạp hóa ngồi nấp sau kệ hàng để quan sát. Cùng lúc này, T lấy được bánh mỳ và đi về phía P. Khi thấy T còn cách khoảng gần 2m, P cầm kiếm bằng tay phải, giơ lên chém liên tiếp 02 nhát trúng đầu và tay của cháu T. Khi T lên tiếng thì ông P đã dừng tay, sau khi bật đèn thấy T bị thương chị H con dâu ông P đã gọi 115 để đưa T đi cấp cứu.

Trước tình hình mà các vụ án giết người, cướp của xảy ra ngày càng nhiều và mức độ nguy hiểm ngày càng cao, không ít vụ án, nhiều bị cáo ban đầu chính là nạn nhân, do có hành vi chống trả bị coi là quá mức cần thiết và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như ví dụ trên là một minh chứng rõ ràng, từ ban đầu rõ ràng ông P chỉ là nạn nhân, vì muốn bắt tên trộm trong nhà nên ông P đã có hành động vượt quá phòng vệ chính đáng dẫn đến T bị tỷ lệ tổn hại sức khỏe 92% mà trở thành người có tội. Ranh giới từ phòng vệ chính đáng đến vượt quá phòng vệ chính đáng là rất mong manh. Trong khi đó, các hành vi xảy ra trên thực tế rất đa dạng và phong phú. Giả như ông P không dùng kiếm mà thay bằng một chiếc gậy gỗ thì có thể không dẫn tới hậu quả nghiêm trọng như vậy. Chính vì vậy, trong thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng vệ chính đáng vẫn xảy ra những trường hợp áp dụng không đúng pháp luật.

**Tình huống 2:** Nguyễn Hùng Hải là tài xế xe ôm công nghệ GrabBike. Khoảng 23 giờ ngày 14/01/2019, Hải chở khách đến nhà số 86 đường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú (TP.HCM). Sau khi khách xuống xe, Hải tấp vào sát lề đường để xem điện thoại. Lúc đó, Phạm Vũ Anh đang trên đường đi nhậu về, bất ngờ đi đến đánh vào mặt Hải. Bị tấn công, Hải xuống xe bỏ chạy nhưng Vũ Anh xô ngã xe máy và truy đuổi. Khi bị Vũ Anh nắm lấy mũ áo khoác kéo lại, Hải tháo mũ bảo hiểm đang đội trên đầu đánh vào vai trái nạn nhân. Hai bên giằng co, xô xát và Hải tiếp tục dùng nón đánh vào đầu khiến Vũ Anh bất tỉnh. Thấy người này ngã xuống, Hải đến đỡ nạn nhân dậy. Tuy nhiên, lúc đó nhiều người chạy đến định đánh Hải nên anh ta bỏ chạy rồi đến công an trình báo sự việc. Chiều hôm sau, anh Vũ Anh được đưa đi cấp cứu nhưng tử vong vì chấn thương sọ não. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Tân Phú tuyên phạt Hải 1 năm 6 tháng tù, buộc bồi thường cho gia đình bị hại 224 triệu đồng, cấp dưỡng nuôi con của

anh Vũ Anh mỗi tháng 2 triệu đồng/tháng cho đến khi bé đủ 18 tuổi. Vào chiều 28/9/2020, Toà án nhân dân TP.HCM xét xử phúc thẩm và tuyên giảm án cho bị cáo Nguyễn Hùng Hải từ 18 tháng tù xuống còn 11 tháng tù, về tội Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hội đồng xét xử nhận định quá trình điều tra xác định bị hại và bị cáo không quen biết từ trước. Mục đích Hải tấn công bị hại cũng chỉ để tự vệ và sau đó bị cáo đã đến công an trình báo sự việc. Hành động này được xem là đầu thú. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, hội đồng xét xử tuyên phạt Hải mức án 11 tháng tù bằng với thời gian tạm giam. Đồng thời toà buộc bị cáo bồi thường số tiền 163 triệu đồng cho bị hại, cấp dưỡng cho con bị hại 2 triệu đồng/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Từ diễn biến vụ án, tôi có những nhận định sau:

Thứ nhất, hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp - cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. Vụ án trên cho thấy rằng: anh Hải và ông Vũ Anh không hề quen biết, anh Hải đang dừng ven đường thì ông Vũ Anh say rượu bất ngờ đi đến đánh vào mặt anh Hải. Khi sự việc xảy ra anh Hải đã ngay lập tức bỏ chạy nhưng ông Vũ Anh lại tiếp tục truy đuổi. Hành vi tấn công của ông Vũ Anh đã đe dọa ngay tức khắc đến lợi ích hợp pháp của anh Hải.

Thứ hai, hành vi tấn công phải tồn tại có thật và đang diễn ra chứ không phải do suy đoán tưởng tượng. Như đã phân tích ở yếu tố đầu tiên, anh Hải không hề quen biết ông Vũ Anh và cũng không muốn gây sự nên đã bỏ chạy. Nhưng sau khi đánh vào mặt anh Hải xong ông Vũ Anh vẫn không dừng lại hành động của mình mà tiếp tục xô ngã xe máy và truy đuổi anh Hải, túm lấy mũ áo. Có thể thấy là ông Vũ Anh muốn thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, ngay lúc này tính mạng của anh Hải đang đứng trước nguy cơ bị xâm hại nghiêm trọng, nếu anh Hải không phản kháng thì ngay tức khắc ông Vũ Anh sẽ tấn công anh Hải. Chính vì thế khi mà anh Hải dùng mũ bảo hiểm đánh vào vai trái ông Vũ Anh nhưng ông vẫn không dừng lại mà hai bên giằng co, xô xát và anh Hải tiếp tục dùng nón đánh vào đầu khiến nạn nhân ngất thì hành động xâm hại này mới kết thúc.

Thứ ba, phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công mà còn có thể phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công. Trong Bộ luật hình sự quy định, khi xuất hiện hành vi tấn công thì người bị tấn công có quyền phòng vệ bằng cách gây thiệt hại lại cho người đang có hành vi tấn công xâm hại đến lợi ích hợp pháp, còn nhằm ngăn chặn, đẩy lùi hành vi xâm hại. Gây thiệt hại trong phòng vệ chính đáng là gây thiệt hại đến lợi ích của người trực tiếp thực hiện hành vi tấn công, nghĩa là không được gây thiệt hại cho người khác. Trong phòng vệ thì không thể đợi

đến lúc hành vi tấn công gây thiệt hại thật sự thì hành vi phòng vệ mới được gây thiệt hại, nếu vậy thì không đạt được mục đích chung là bảo vệ lợi ích và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Sự việc anh Hải dùng nón bảo hiểm đánh lại để ngăn hành vi của ông Vũ Anh dẫn đến ông Vũ Anh bất tỉnh là xâm phạm đến tính mạng của người có hành vi tấn công nhằm bảo vệ tính mạng của mình thì hoàn toàn hợp pháp, Hải đã chống trả để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những ví dụ trên, chúng ta đều nhận thấy được rằng ranh giới giữa phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá phòng vệ chính đáng là rất mong manh, nhưng hậu quả pháp lý từ việc xác định sai là vô cùng nặng nề, không chỉ đối với người bị kết án mà lớn hơn là sự nhân thức sai lệch cũng như niềm tin của người dân vào Nhà nước. Cần tìm ra nguyên nhân đã dẫn đến xác định không đúng phòng vệ chính đáng để đưa những giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như sự nhận thức của con người áp dụng pháp luật, với tinh thần không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

### ***2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến phòng vệ không đúng quy định pháp luật:***

Phòng vệ chính đáng được đánh giá là một trong những chế định khó áp dụng trên thực tiễn, dẫn đến áp dụng sai nên không đạt được mục đích mà pháp luật đặt ra trong chế định này, việc này cũng bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Từ những ví dụ thực tiễn trên tôi có đưa ra một số nguyên nhân cụ thể như sau:

*Một là*, Bộ Luật Hình sự Việt Nam trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung nhưng qua tình hình thực tế, xã hội ngày càng thay đổi, thực tiễn thi hành cho thấy cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa các quy định về phòng vệ chính đáng, các tội phạm vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Đặc biệt, chưa có văn bản hướng dẫn chính thức cụm từ “cần thiết” trong chế định phòng vệ chính đáng của Bộ Luật Hình sự. Ngay cả Bộ Luật Hình sự hiện hành là Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng không có những quy định mang tính “đột phá” mà Bộ Luật Hình sự năm 1999 chưa quy định hoặc không rõ ràng.

*Thứ hai*, quy định pháp luật hình sự Việt Nam về chế định phòng vệ chính đáng còn tồn tại nhiều hạn chế, đặc biệt là chưa quy định được ranh giới chính xác trong việc xác định trường hợp nào là phòng vệ chính đáng, trường hợp nào không phải là phòng vệ chính đáng dẫn đến bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Trong thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về điều kiện phát sinh quyền phòng vệ vẫn còn nhiều bất cập, không thống nhất. Việc hiểu thế nào là nguy hiểm đáng kể, hành vi tấn công đang hiện hữu vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau trong thực tiễn xét xử. Cùng một hành vi xâm phạm đối với người này có thể đã là nguy hiểm đáng kể nhưng với người khác vẫn là bình thường. Việc xác định đã là nguy hiểm đáng kể hay chưa, hành vi đó đang hiện

hữu hay không thường phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của những người tiến hành tố tụng và để xác định được một cách chính xác, người ta thường dựa trên một số mẫu chung đánh giá của con người. Nếu đa số mọi người cho rằng hành vi tấn công của nạn nhân là nguy hiểm đáng kể và đang hiện hữu thì lúc đó mới phát sinh quyền phòng vệ, không phải là tội phạm, còn ngược lại thì phạm tội; ranh giới của việc xác định này không rõ ràng, thống nhất, dễ dẫn đến sai lầm trong quá trình thực hiện của các cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân. Có nhiều vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng có quan điểm khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án như: Cơ quan điều tra đã khởi tố, Viện Kiểm sát đã truy tố về hành vi phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng khi xét xử thì Tòa án xác định đó là trường hợp phòng vệ chính đáng... Bên cạnh đó, có nhiều vụ án với tính chất của hành vi chống trả là như nhau nhưng tại các địa phương khác nhau lại áp dụng không giống nhau khi có nơi thì xác định hành vi chống trả là phòng vệ chính đáng, có nơi lại xác định người chống trả phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... Do đó, cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về phòng vệ chính đáng, đặc biệt là các căn cứ để xác định sự cần thiết giữa hành vi phòng vệ và hành vi xâm hại nhằm đảm bảo cho việc áp dụng chế định này được thống nhất trên thực tế.

*Thứ ba*, phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm, tuy nhiên nếu hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại thì là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự. Có thể thấy ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là vô cùng mong manh và trong thực tiễn áp dụng vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về vấn đề này. Trên thực tế khi một người rơi vào tình huống nguy hiểm, bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản nghiêm trọng, đa số người bị xâm hại không thể kiểm soát được hành vi của bản thân, không đủ bình tĩnh để quyết định chống trả lại hành vi xâm hại như thế nào để không vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Bên cạnh đó, để xác định hành vi chống trả có tương xứng với hành vi xâm hại hay không, có quá đáng hay không thì phải xét toàn diện những tình tiết liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như khách thể cần bảo vệ, mức độ thiệt hại, cường độ của sự tấn công... Vì vậy, có rất nhiều khó khăn trong việc đánh giá giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Ví dụ: Trần V K thấy cha mình ông Q bị P xiết cổ và cùng lúc có L, T vây lại đánh. Lúc này K đã chạy vào nhà lấy con dao ra chém P nhằm giải vây cho cha mình đang bị đánh. Ở đây, có hai luồng ý kiến khác nhau: Ý kiến thứ nhất cho rằng, khi thấy cha mình bị đánh thì K có nhiều cách lựa chọn như dùng tay đánh lại những người này

hoặc can ngăn những người này không đánh cha mình nữa; Ý kiến thứ hai, cho rằng, hành vi chống trả lại của anh K là cần thiết, bởi vì ông Q đang bị xâm phạm về sức khỏe, tính mạng do hành vi trái pháp luật của P và L, T (vây đánh), K chỉ có một mình không có hung khí gì trong tay nên Đ đã chạy vào nhà lấy con dao ra chém là “cần thiết” nhằm ngăn cản, đẩy lùi sự tấn công đối với hành vi gây nguy hiểm. Tuy nhiên, hành vi dùng dao chém 03 cái trúng vào người anh P gây thương tích cho anh P là hành vi phòng vệ mang tính chất rất mạnh mẽ, sự chênh lệch giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công quá rõ ràng thì hành vi chống trả lại trong trường hợp này không được coi là phòng vệ chính đáng mà phải là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Vì vậy, K phải chịu trách nhiệm hình sự nếu hậu quả của hành vi đó đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Bốn là*, một số cán bộ áp dụng pháp luật nhận thức không đầy đủ và chuẩn xác về các quy định pháp luật hình sự, dẫn đến tình trạng việc vận dụng pháp luật trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, đánh giá tính chất và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội không đúng, sự nhận thức về các nội dung trong điều khoản, tình tiết để phân biệt rõ ranh giới giữa tội phạm và không phải tội phạm, giữa phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Mặc dù, về mặt thực tiễn hiện nay, trình độ của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cũng như các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án đã được nâng cao rất nhiều cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân, đòi hỏi chúng ta tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và lý luận, nhằm hoàn thiện hơn các quy định về tiêu chuẩn Thẩm phán và các quy định khác trong Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Đây là yêu cầu tất yếu và khách quan, để xây dựng cơ sở pháp lý, tuyển chọn một đội ngũ Thẩm phán có đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ năng lực chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử trong thời gian tới.

*Năm là*, tình hình phát triển khoa học, công nghệ nhan chóng, sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế, sản xuất ngày nay đã nảy sinh nhiều hiện tượng xã hội mới liên quan đến quá trình hình sự hoá và phi hình sự hoá, tội phạm hoá và phi tội phạm hoá nên thực tiễn xét xử đòi hỏi trong pháp luật hình sự phải kịp thời, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Hiện nay, do các bức xúc trong nhân dân, do tranh chấp đất đai, vi phạm trật tự, giao thông,... dễ dẫn đến bức xúc, mâu thuẫn và có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác,... ngày càng gia tăng đòi hỏi các cán bộ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải có trình độ hiểu biết về lĩnh vực này từ đó có thể đưa ra các quyết định, bản án đúng đắn, bảo đảm phương châm “xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội”.

*Sáu là*, do nguyên nhân chủ quan, một số vụ án xét về thực chất là phòng vệ chính đáng nhưng bị coi là vượt quá phòng vệ chính đáng bởi động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác của người áp dụng pháp luật đã gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống tội phạm.

*Bảy là*, việc học hỏi kinh nghiệm lập pháp của một số nước còn quá hạn chế, “nếu chỉ dựa vào kết quả nghiên cứu pháp luật hình sự nước ta thì không thể giải quyết thấu đáo những vấn đề của luật hình sự nói chung và chế định phòng vệ chính đáng nói riêng. Do trình độ phát triển của các quốc gia là khác nhau nên trình độ văn hoá pháp lý nói chung cũng như trình độ văn hoá pháp lý hình sự nói riêng tại các quốc gia là không giống nhau. Tại đây, xuất hiện nhu cầu nhận thức và tiếp thu có chọn lọc các kết quả xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự của nhau, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập”. Trong khi đó sự tiếp nhận kinh nghiệm lập pháp hình sự về phòng vệ chính đáng chưa được quan tâm đúng mức.

*Tám là*, cần phải có án lệ trong lĩnh vực phòng vệ chính đáng. Chính vì thiếu án lệ nên đôi khi nhiều vụ án xảy ra các cơ quan làm luật, thực thi pháp luật không có cơ sở mẫu để dựa vào nhằm đưa ra các quyết định cho hợp lý.



## **Tiểu kết chương 2**

Như vậy, Bộ Luật Hình sự trải qua các thời kỳ đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới về kỹ thuật lập pháp, chú trọng hơn quyền con người, quyền công dân, thể hiện tư tưởng lớn của chính sách hình sự nước ta trong thời kỳ đổi mới và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, khuyến khích người dân tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng quy định, đã cho thấy vẫn còn có nhiều vụ án hình sự liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng còn tồn tại vướng mắc, bất cập bởi nhiều nguyên nhân. Đặt ra vấn đề là cần phải giải quyết triệt để những nguyên nhân dẫn đến áp dụng sai phòng vệ chính đáng.

## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG.

#### 3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật:

Phòng vệ chính đáng là một trong những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được pháp luật hình sự Việt Nam quy định. Với tư cách là một quyền chính đáng của mỗi công dân, có thể tự mình bảo vệ lợi ích hợp pháp khi xuất hiện hành vi tấn công xâm hại nó đã thể hiện nguyên tắc nhân đạo, dân chủ của pháp luật hình sự khuyến khích mọi người tham gia phòng chống tội phạm. Mặt khác, chế định phòng vệ chính đáng đã thể hiện một sự tiến bộ trong kỹ thuật lập pháp cũng như tư duy pháp lý của các nhà làm Luật Việt Nam bởi vì thông qua những điều kiện của hành vi phòng vệ mà pháp luật quy định nó không thuần túy dựa vào thiệt hại xảy ra để quyết định mức độ trách nhiệm hình sự mà phải đặt thiệt hại đó vào trong hoàn cảnh thực tế. Đánh giá hành vi phòng vệ cần dựa trên sự biện chứng giữa những hành vi khách quan trên thực tế và tâm lý chủ quan của người phòng vệ để tìm ra sự thật khách quan từ đó bảo đảm áp dụng pháp luật một cách đúng đắn.

Với những phân tích trong bài luận, có thể thấy phòng vệ chính đáng là một công cụ quan trọng mà pháp luật quy định cho mỗi công dân có thể tự mình linh hoạt chống lại sự xâm hại của hành vi trái pháp luật luôn xảy ra hàng ngày trên thực tế. Tuy nhiên, những vụ án có tình tiết “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” không phải lúc nào cũng được giải quyết và xác định sự thật một cách dễ dàng, cần thiết phải có sự hướng dẫn cụ thể và chính xác hơn của các nhà làm luật tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật thuận lợi hơn trong việc đánh giá trách nhiệm hình sự của hành vi. Sau khi đã làm nghiên cứu và trên cơ sở thực tiễn áp dụng, tôi có một số kiến nghị giải pháp làm cơ sở để hoàn thiện Bộ luật Hình sự Việt Nam như sau:

#### 3.1.1. Kiến nghị giảm mức hình phạt đối với Điều 136 Bộ luật Hình sự:

Đối với hành vi “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” được quy định là tội phạm và người thực hiện hành vi này phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong bộ luật hình sự có hai tội danh liên quan đến hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định là tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bị bắt giữ người phạm tội” (Điều 126 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017) và tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” (Điều 136 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017). Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm thì tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính

đáng” là tội xâm phạm tính mạng nên có tính chất nguy hiểm cao hơn so với tội cố ý gây thương tích.

Tuy nhiên, trong Bộ luật Hình sự năm 2015, tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” có mức hình phạt cao nhất trong cấu thành tội phạm cơ bản (trường hợp nạn nhân chết) là 02 năm tù (Khoản 1 Điều 126), trong đó khi cấu thành tăng nặng của tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” đối với trường hợp “dẫn đến chết người” nhưng lại có mức hình phạt cao nhất là 03 năm tù. Điều này thể hiện sự bất hợp lý trong quy định của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, tôi đề xuất sửa đổi quy định về hình phạt tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 136 Bộ Luật Hình sự theo hướng giảm mức hình phạt cao nhất đối với tội phạm trong các trường hợp này. Cụ thể là:

*“Điều 136: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bị bắt giữ người phạm tội:*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:*

*a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;*

*b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.*

*3. Phạm tội dẫn đến chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của 02 trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”*

**3.1.2. Hướng dẫn cách hiểu giữa “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” và tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.”**

Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Bộ luật Hình sự về trường hợp có hậu quả chết người xảy ra do hành vi chống trả (phòng vệ) vượt quá mức cần thiết. Hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết gây ra hậu quả chết, người phạm tội có thể được định tội là tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo Khoản 1 Điều 126 Bộ luật Hình sự nhưng cũng có thể được định tội và xử lý theo Khoản 3 Điều 136 Bộ luật Hình sự với tình tiết “phạm tội dẫn đến chết người”. Thực tiễn áp dụng lại không thống nhất trong việc định tội danh đối với hai trường hợp này.

Do vậy, Toà án nhân dân Tối cao cần có hướng dẫn cách nhận thức cũng như việc định tội danh đối với hai trường hợp này. Đối với tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, lỗi của người phạm tội đối với hành vi chống trả “rõ ràng quá mức cần thiết” đều là lỗi cố ý. Đối với tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, người phạm tội cố ý với việc thực hiện hành vi nhưng không mong muốn, không để mặc hậu quả chết người xảy ra mà chỉ tin rằng hậu quả chết người không xảy ra hoặc không lường trước được là hành vi của mình có thể gây ra hậu quả chết người. Tức là người phạm tội có lỗi vô ý với hậu quả chết người. Nói cách khác, trường hợp người phạm tội có lỗi vô ý với hậu quả chết người thì được áp dụng tình tiết “phạm tội dẫn đến chết người.”

### ***3.1.3. Hoàn thiện pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng:***

Văn bản hướng dẫn rất cần thiết trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung, chế định phòng vệ chính đáng nói riêng, hướng dẫn càng chi tiết, cụ thể thì dễ dàng trong việc thực thi. Như chúng ta đã biết trước khi Bộ luật Hình sự năm 1985 ra đời thì Toà án nhân dân tối cao cũng có chỉ thị số 07 ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ. Theo tinh thần Chỉ thị 07/CT và sau này là Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ Luật Hình sự trong đó có phòng vệ chính đáng. Từ đó đến nay chưa hề có thêm một văn bản hướng dẫn nào về phòng vệ chính đáng nữa cả, mà Nghị quyết số 02 đã ra đời từ năm 1986, tức là đã rất lâu rồi không còn phù hợp với tình hình hiện nay nữa. Chính vì thế đặt ra vấn đề, cần phải có một văn bản hướng dẫn mới ra đời, quy định cụ thể và chi tiết hơn những vấn đề liên quan đến phòng vệ chính đáng.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử và tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân, theo tôi Toà án nhân dân tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Chương IV - Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Đặc biệt cần thiết phải hướng dẫn tình tiết “cần thiết” tại Điều 22 về phòng vệ chính đáng và hướng dẫn phân định rõ ràng hơn các trường hợp cụ thể - trường hợp mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên đúng pháp luật và trường hợp trái pháp luật để có trách nhiệm hình sự hay loại trừ trách nhiệm hình sự tương ứng tại Điều 26, trong Nghị quyết nội dung có các hướng dẫn như sau:

Hướng dẫn áp dụng Điều 22 - Phòng vệ chính đáng

1. “Cần thiết” trong “chống trả lại một cách cần thiết” là mức độ phù hợp của hành vi phòng vệ đối với hành vi xâm hại, do người phòng vệ tự cân nhắc, đánh giá trong hoàn cảnh cần ngăn chặn kịp thời hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức.

2. Để đánh giá mức độ phù hợp giữa hành vi phòng vệ với hành vi xâm hại, đồng thời căn cứ vào các dấu hiệu sau:

- Tính chất của mối quan hệ xã hội bị xâm hại: hành vi xâm hại đến mối quan hệ xã hội càng quan trọng thì cho phép hành vi chống trả càng cao và quyết liệt.

- Về tính chất của hành vi xâm hại nhận định bằng phương pháp, cách thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện dùng để xâm hại: nếu phương pháp, thủ đoạn càng tinh vi, xảo quyệt; công cụ, phương tiện càng nguy hiểm thì cho phép hành vi chống trả càng quyết liệt.

- Sự mãnh liệt của hành vi xâm hại: nếu hành vi xâm hại càng mãnh liệt, cho thấy quyết tâm xâm hại đến cùng thì cho phép hành vi chống trả càng cao và quyết liệt.

- Không gian, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra sự việc.

- Tương quan lực lượng giữa bên phòng vệ và bên có hành vi xâm hại.

3. Khi đánh giá mức độ cần phù hợp để được coi là chống trả một cách cần thiết, cần đánh giá tổng hợp các căn cứ nêu trên, đồng thời chú ý xem xét đến thái độ, tâm lý của người phòng vệ. Chỉ khi nào có sự không phù hợp một cách rõ ràng (vượt quá) giữa hành vi phòng vệ và hành vi xâm hại thì mới bị coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

#### ***3.1.4. Kiến nghị bổ sung các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng:***

Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi 2017 đã có quy định về các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng, nhưng đến hiện tại lại chưa thể hiện các trường hợp này. Do đó, cần bổ sung các trường hợp đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng, để mỗi người phòng vệ không phải lo ngại, đắn đo trước sự phán xét của cơ quan bảo vệ pháp luật khi thực hiện hành vi chủ động, có ích cho xã hội, bởi lẽ:

- Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định mà nhiều quốc gia trên thế giới đang tiến hành để phòng, chống người đột nhập vào chỗ ở của người khác thực hiện hành vi phạm tội;

- Đáp ứng yêu cầu của thực tiễn là để phòng ngừa, chống tội phạm xâm phạm tự do, an ninh của con người như: tội “Giết người”, tội “Cố ý gây thương tích”, tội “Hiếp dâm”, tội “Cướp tài sản”;

Do đó, Điều 22 Bộ luật Hình sự 2015 có thể sửa như sau:

“Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau đây:

a) Chống trả lại người đang dùng vũ khí, hung khí để chống lại việc bắt giữ bất hợp pháp hoặc để tiếp tục phạm tội;

b) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm, cướp tài sản, chống phá trại giam;

c) Chống trả lại người đang có hành vi dùng vũ khí tấn công tại chỗ ở của người khác vào ban đêm.”

### ***3.1.5. Ghi nhận án lệ trong phòng vệ chính đáng:***

Căn cứ theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP quy định như sau: “Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”.

Tại Điểm c Khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014 có quy định: “Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ, quyền hạn lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án , áp dụng trong xét xử”.

Công nhận án lệ trong pháp luật hình sự nói chung, pháp luật phòng vệ chính đáng nói riêng là điều cần thiết, bởi lẽ, chế định phòng vệ chính đáng mang tính quyền con người - quyền tự bảo vệ bản thân hoặc người khác, nhưng thực tiễn cho thấy, việc xác định phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của những chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật hình sự vẫn còn mang nhiều quan điểm, chưa có sự thống nhất trong việc xác định, cũng từ đó dễ dẫn đến oan sai, làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Chính vì thế, vô cùng cần thiết phải có án lệ để trong quá trình , xét xử vụ án các cơ quan thi hành án có thể dựa vào để đưa ra các quyết định chính xác nhất.

### **3.2. Giải pháp về yếu tố con người:**

#### **3.2.1. Tăng cường nhận thức đúng về phòng vệ chính đáng:**

*Thứ nhất, đối với chủ thể áp dụng pháp luật:* Sự nhận thức của một số cán bộ áp dụng pháp luật hiện nay vẫn còn rất yếu kém, đã không ít những vụ án hình sự liên quan đến phòng vệ chính đáng, nhưng cán bộ áp dụng pháp luật lại xác định không đúng, không chính xác, thậm chí giữa những cán bộ áp dụng lại có mâu thuẫn với nhau về quan điểm như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thì xác định là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nhưng khi đưa vụ án ra xét xử thì Toà án tuyên vô tội vì phòng vệ chính đáng. Bên cạnh đó, người áp dụng pháp luật thì ít nhưng số lượng án hình sự phải giải quyết thì quá nhiều, dẫn đến tình trạng xem xét hồ sơ vụ án không thấu đáo, qua loa dẫn đến tình trạng đưa ra kết luận vụ án không đúng với quy định của pháp luật hình sự. Đồng thời, hiện nay tồn tại không ít những cán bộ có tư tưởng chính trị không vững vàng, không công bằng, không liêm khiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bởi ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá phòng vệ chính đáng rất mong manh, chính vì điều đó, một số cán bộ vì lợi ích riêng đã cố ý làm sai đi quy định của pháp luật hình sự về chế định này. Chính vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nói chung, người tiến hành tố tụng hình sự nói riêng cần được chú trọng về số lượng, lẫn chất lượng.

Trước hết, Nhà nước ta cần phải quán triệt tư tưởng chính trị, lối sống, đạo đức cho những cán bộ áp dụng pháp luật, tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trước tiên phải trở thành người có “đức”; đồng thời cần xem xét nâng lương thường xuyên, thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích chống “quan liêu”, hỗ trợ tối đa cho những cán bộ khó khăn trong cuộc sống để họ chuyên tâm cho công việc mà được Nhà nước và nhân dân giao phó.

Tiếp theo, cần tăng cường nguồn cán bộ áp dụng pháp luật phù hợp với số lượng vụ án hình sự phải giải quyết và tăng cường nhận thức đúng đắn của những chủ thể áp dụng pháp luật về chế định phòng vệ chính đáng bằng việc tổ chức thường xuyên những buổi tập huấn về nghiệp vụ và chuyên môn, trao đổi và học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn, hướng dẫn cách tiếp cận để đưa ra một nhận thức chung, một quan điểm chung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự liên quan đến phòng vệ chính đáng.

*Thứ hai, đối với xã hội:* Đối với chế định phòng vệ chính đáng, nhận thức của xã hội về quy định này vô cùng quan trọng, bởi vì phòng vệ là quyền con người được pháp luật hình sự cho phép thực hiện trong giới hạn nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ về đạo đức giữa người với người, nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại đến lợi ích hợp pháp nói chung, góp phần mạnh mẽ vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhưng trên thực tiễn cho thấy, không ít người dân trong xã hội đã có thái độ thờ ơ, vô tâm, sợ bị

liên luy... trước những hành vi trái pháp luật, từ đó dẫn đến những hậu quả rất lớn do hành vi phạm tội gây ra. Tại sao thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng, chúng ta chỉ thấy được rằng người phòng vệ cũng chính là người bị xâm hại? Hay cũng chỉ là người bị xâm hại là người thân thích của người phòng vệ. Không thấy xuất hiện trường hợp nào người phòng vệ là người muốn bảo vệ lợi ích Nhà nước hay của tổ chức.

Những lý do trên xuất phát từ nguyên nhân đó là nhận thức xã hội về quy định của pháp luật hình sự nói chung và quy định phòng vệ chính đáng nói riêng, đặt ra một nhiệm vụ lớn cho Nhà nước ta cần thực hiện việc tăng cường được nhận thức này một cách đầy đủ và đúng đắn. Muốn có một xã hội văn minh, tuân thủ pháp luật thì trước hết mỗi cá nhân trong xã hội phải là người có ý thức pháp luật, có nhận thức đúng đắn về phòng vệ chính đáng.

Nhà nước nói chung và cơ quan áp dụng pháp luật hình sự nói riêng, cần phải tổ chức tuyên truyền quy định của pháp luật bằng thực tiễn áp dụng, mở phiên toà xét xử lưu động về phòng vệ chính đáng, đưa vụ án hình sự về phòng vệ chính đáng lên báo đài, các trang mạng xã hội. Bên cạnh đó, nêu gương tốt của những người vì bảo vệ lợi ích chung của xã hội mà có hành vi phòng vệ với hành vi xâm hại, cho xã hội thấy được rằng bảo vệ lợi ích của người khác hoặc của Nhà nước chính là bảo vệ lợi ích của mình. Mở ra các chương trình trực tiếp để giải đáp thắc mắc của người dân về quy định phòng vệ chính đáng.

### ***3.2.2. Cần có chế độ chính sách, khen thưởng:***

Cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt trong việc phòng vệ tấn công trấn áp tội phạm cũng như bảo vệ cá nhân và gia đình những người tham gia công tác phòng, chống tội phạm. Có chính sách thoả đáng đối với các tập thể, cá nhân bị thương, hy sinh hoặc bị thiệt hại lớn về tài sản khi tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Có như vậy mới tạo ra được thể chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm để từng bước kiềm chế, làm giảm các loại hình tội phạm, đặc biệt là tội phạm do các băng nhóm thực hiện theo kiểu xã hội đen gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân như thời gian gần đây.



### **Tiểu kết chương 3**

Để xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện nói chung, pháp luật hình sự nói riêng trong đó có chế định phòng vệ chính đáng, các nhà làm luật cần nhận thức đúng đắn những yêu cầu đổi mới của đất nước, đồng thời trao đổi, tham khảo những quy định tiên bộ của các quốc gia nhưng vẫn phù hợp với nền văn hoá, kinh tế, xã hội của nước ta.

## KẾT LUẬN

Qua đề tài: “Phòng vệ chính đáng trong Luật Hình sự Việt Nam” tôi xin rút ra kết luận sau:

Phòng vệ được coi là một quyền con người, quyền công dân trong việc bảo vệ những lợi ích hợp pháp nói chung, vì vậy mà phòng vệ chính đáng được ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam và ngày càng được hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, chế định phòng vệ chính đáng còn trực tiếp góp phần cho hoạt động đấu tranh, chống tội phạm của toàn xã hội, nhất là đang trong giai đoạn hiện nay, khoa học công nghệ, kinh tế phát triển mạnh mẽ, xuất hiện những hành vi phạm tội mới rất đa dạng và phức tạp.

Phòng vệ chính đáng trước hết đó là quyền của mỗi công dân trong việc tự bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích chung của Nhà nước, đồng thời khuyến khích tinh thần trách nhiệm của mỗi người hãy làm việc có ích cho xã hội vì một xã hội tiến bộ và phát triển. Đồng thời tạo ra cơ sở pháp lý cho những cán bộ áp dụng pháp luật xác định được hành vi nào là tội phạm, hành vi nào không phải là tội phạm góp phần xây dựng nền tư pháp nước ta trong sạch, vững mạnh, có được niềm tin của nhân dân.

Qua các điều kiện của phòng vệ chính đáng cho thấy, quy định hiện nay của Luật Hình sự Việt Nam về vấn đề này mặc dù đã cụ thể hơn trước, nhưng vẫn còn những quy định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến có các quan điểm cách hiểu khác nhau về phòng vệ chính đáng. Chính vì vậy việc bảo đảm áp dụng đúng phòng vệ chính đáng cũng gặp vướng mắc ngay từ quy định của luật thực định. Bên cạnh đó, thì vẫn còn không ít những hạn chế, trong việc nhân thức đúng đắn của cán bộ áp dụng pháp luật, dẫn đến thực trạng đáng lo ngại là bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, từ đó không thực hiện triệt để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Chính vì thế, việc từ quy định trong pháp luật hình sự cho đến áp dụng trên thực tiễn chế định phòng vệ chính đáng, nhằm đưa ra những giải pháp cụ thể mang tính đóng góp cho các nhà làm luật nước ta tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung quy định này trong Bộ Luật Hình sự.

Việt Nam đã hội nhập quốc tế về mọi mặt trong đời sống xã hội, trước yêu cầu hội nhập quốc tế đó, đòi hỏi nước ta cần hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng trong đó có chế định phòng vệ chính đáng, để phù hợp với hệ thống pháp luật của thế giới và những cam kết quốc tế về việc bảo vệ quyền con người của nước ta. Việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết và cấp bách. Do đó, khoa học luật hình sự nước ta phải tiếp tục nhiều hơn, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ

thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để đóng góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

- [1] Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
- [2] Dương Phan Thuỳ Dung (2017), *Phòng vệ chính đáng theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Khoa luận thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- [3] Đặng Văn Doãn, *Về vấn đề phòng vệ chính đáng*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1983.
- [4] Đinh Văn Quế, *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [5] Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ Luật Hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
- [6] Đinh Văn Quế, *Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Phương Đông, 2010.
- [7] Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 5/1/1986 hướng dẫn toà án các cấp áp dụng một số quy định của Bộ Luật Hình sự năm 1985*, Hà Nội, 1986.
- [8] Hội đồng Thẩm phán toà án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*.
- [9] Hồ Sỹ Sơn, *Chế định phòng vệ chính đáng nhìn từ góc độ so sánh pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, (số 1), tr.18-25, 2012.
- [10] Lê Văn Cẩm (chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.
- [11] Lê Văn Cẩm (chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007.
- [12] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [13] Lê Văn Cẩm, *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009.
- [14] Nguyễn Minh Đoan, *Hiệu quả của pháp luật những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội, 2012.
- [15] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013*, Hà Nội.
- [16] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *Bộ Luật Hình sự Việt Nam năm 1985*, Hà Nội.
- [17] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999,2009), *Bộ Luật Hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009*, Hà Nội.
- [18] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015,2017), *Bộ Luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*, Hà Nội.

[19] Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014*, Hà Nội.

[20] Toà án nhân dân tối cao, Chỉ thị số 73-CT/TANDTC ngày 02/06/1980, Hà Nội, 1980.

[21] Toà án nhân dân tối cao, Chỉ thị số 07-CT/TANDTC ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ, Hà Nội, 1983.

[22] Toà án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/HĐTP-TANDTC ngày 05/01/1986 về việc hướng dẫn thi hành một số vấn đề của Bộ Luật Hình sự năm 1985, Hà Nội, 1986.

[23] Trịnh Tiến Việt, *Hoàn thiện các quy định của phần chung Bộ luật hình sự - trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội, 2012.

#### **Danh mục các Website tham khảo:**

[24]<https://vks.haugiang.gov.vn/ngghien-cuu-trao-doi/ly-luan-va-thuc-tien-trong-viec-ap-dung-che-dinh-phong-ve-chinh-dang-va-vuot-qua-gioi-han-phong-ve-chinh-dang-297.html>

[25]<https://vksndtc.gov.vn/tintuc/Pages/lists.aspx?ItemID=5919>

[26]<https://tapchitoaan.vn/phong-ve-chinh-dang-thuc-tien-va-mot-so-kien-nghi5456.html>

[27]<https://lsvn.vn/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-che-dinh-phong-ve-chinh-dang-1690592680.html>

[28] <https://znews.vn/giam-an-tu-cho-tai-xe-grabbike-post1136042.html>

[29]<https://lsvn.vn/ban-ve-phong-ve-chinh-dang-theo-quy-dinh-cua-blhs-nam-20151658849010.html>

[30]<https://tapchitoaan.vn/tapchi/public/index.php/hanh-vi-cua-n-la-phong-ve-chinh-dang5900.html>